

VIETNAM HIPPO 1

No	Cand No	Name & Surname	Venue	School	City	Reading	Use	Total
1	11032053	TRAN HONG BAO ANH	Fermat education	VINH HUNG PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	28,5	58,5
2	11032159	TRAN MINH HIEU	Fermat education	VINSCHOOL GARDENIA PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	28,5	58,5
3	11032414	TRAN MINH QUAN	Fermat education	DONG TAM PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	28,5	58,5
4	11032470	DUONG QUOC TRI	Fermat education	VINH HUNG PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	28,5	58,5
5	11032682	DUONG THI PHUONG THAO	Fermat education	NGUYEN TAT THANH SECONDARY AND HIGH SCHOOL	Ha Noi	30	28,5	58,5
6	11031950	NGUYEN NGOC TAM ANH	Fermat education	VINSCHOOL GARDENIA PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	29	28,5	57,5
7	11031926	NGUYEN GIA HAN	Fermat education	TAN MAI PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	27	57
8	11031928	NGO GIA HUY	Fermat education	VINSCHOOL TIMESCITY T36	Ha Noi	30	27	57
9	11031996	KHUC DANG THINH	Fermat education	VINSCHOOL GARDENIA PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	27	57
10	11032011	DO VAN AN	Fermat education	LE VAN TAM PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	27	57
11	11032041	NGUYEN PHAN ANH	Fermat education	LE VAN TAM PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	27	57
12	11032450	NGUYEN MANH TOAN	Fermat education	TAN MAI PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	27	57
13	11032461	DO THI VAN TRANG	Fermat education	THUY TRIEU PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	27	57
14	11032494	NGUYEN TRAN MINH VU	Fermat education	GIAP BAT PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	27	57
15	11032670	NGUYEN LAM PHUONG	Fermat education	YEN HOA PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	27	57
16	11032525	NGUYEN VI ANH	Fermat education	NGUYEN DU SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	30	27	57
17	11036165	NGUYEN MINH KHOI	Fermat education	THANH XUAN NAM SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	29	27	56
18	11036461	NGO MINH DUNG	Fermat education	LE VAN TAM PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	29	27	56
19	11031944	TRAN THAI AN	Fermat education	BAI CHAY PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	25,5	55,5
20	11031970	HE RUI LAN	Fermat education	DOAN THI DIEM PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	25,5	55,5
21	11031982	NGUYEN XUAN NGHI	Fermat education	VIET ANH PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	25,5	55,5
22	11032055	TRINH QUYNH ANH	Fermat education	HUYNH NGOC HUE PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	25,5	55,5
23	11032310	NGUYEN KIM HAI NGAN	Fermat education	TRUNG TU PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	25,5	55,5
24	11032327	NGUYEN LE THANH NGOC	Fermat education	VO VAN TAN PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	25,5	55,5
25	11032375	NGUYEN QUANG THIEU PHONG	Fermat education	WELLSPRING PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	25,5	55,5
26	11032387	HA LE PHUONG	Fermat education	VINH HUNG PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	25,5	55,5
27	11032398	DANG HOANG QUAN	Fermat education	NAM THANH CONG PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	25,5	55,5
28	11032415	TRINH MINH QUAN	Fermat education	NGUYEN SIEU PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	25,5	55,5
29	11032516	DANG NGOC ANH	Fermat education	HANOI STAR PRIMARY AND SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	30	25,5	55,5
30	11032551	HOANG DUC DUNG	Fermat education	TRAN PHU SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	30	25,5	55,5
31	11032642	VU BAO NGAN	Fermat education	IRIS PRIMARY, SECONDARY AND HIGH SCHOOL	Ha Noi	30	25,5	55,5

No	Cand No	Name & Surname	Venue	School	City	Reading	Use	Total
32	11032649	NGUYEN LE TRUONG NGUYEN	Fermat education	LE QUY DON SECONDARY AND HIGH SCHOOL	Ha Noi	30	25,5	55,5
33	11032684	NGUYEN HUONG THAO	Fermat education	LE LOI SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	30	25,5	55,5
34	11032693	TANG MINH TRANG	Fermat education	TRUNG VUONG SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	30	25,5	55,5
35	11039539	NGUYEN ANH THY	Fermat education	LE VAN TAM PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	25,5	55,5
36	11036653	PHAM TIEN DAT	Fermat education	QUANG DINH PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	25,5	55,5
37	11036667	NGUYEN NHAT DUONG	Fermat education	TE NONG PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	25,5	55,5
38	11032338	NGUYEN DANG NGUYEN	Fermat education	VINH HUNG PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	28	27	55
39	11032370	VUONG DINH GIA PHAT	Fermat education	VINSCHOOL TIMESCITY T35	Ha Noi	28	27	55
40	11032490	TRAN THI THANH VAN	Fermat education	VINH HUNG PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	28	27	55
41	11032009	TRAN NGOC NHU Y	Fermat education	VIETSCHOOL PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	29	25,5	54,5
42	11032106	TRAN MINH DUC	Fermat education	TRANG AN PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	29	25,5	54,5
43	11032125	HOANG THU GIANG	Fermat education	GIAP BAT PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	29	25,5	54,5
44	11032168	TRINH MINH HUNG	Fermat education	TRUNG VUONG PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	29	25,5	54,5
45	11032195	TRINH TRUNG KHIEM	Fermat education	TRUNG VUONG PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	29	25,5	54,5
46	11032213	HOANG NGUYEN VAN LAM	Fermat education	NGUYEN TRAI PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	29	25,5	54,5
47	11032325	NGUYEN HOANG NHU NGOC	Fermat education	HUYNH NGOC HUE PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	29	25,5	54,5
48	11032445	VU THU THUY	Fermat education	VINSCHOOL GREEN BAY	Ha Noi	29	25,5	54,5
49	11036150	NGUYEN TRONG KHOA	Fermat education	THANH XUAN NAM SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	29	25,5	54,5
50	11031904	PHAM NHAT VUONG	Fermat education	VINSCHOOL THE HARMONY PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	29	25,5	54,5
51	11031961	DOAN VU NHAT HUY	Fermat education	ERA SCHOOL - ME LINH	Ha Noi	30	24	54
52	11032008	NGUYEN LE NHU Y	Fermat education	TRANG AN HIGH QUANLITY PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	24	54
53	11032038	NGUYEN MY ANH	Fermat education	HA HUY TAP PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	24	54
54	11032062	LUONG PHAM KHANH BANG	Fermat education	VINSCHOOL TIMESCITY T35	Ha Noi	30	24	54
55	11032096	PHAM QUOC DANG	Fermat education	VINSCHOOL TIMESCITY T35	Ha Noi	30	24	54
56	11032121	LE DUC DUY	Fermat education	VIETKIDS PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	24	54
57	11032143	NGUYEN TUAN HAI	Fermat education	BE VAN DAN PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	24	54
58	11032175	PHAN DUC HUY	Fermat education	TRUNG TU PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	24	54
59	11032181	NGUYEN THANH HUYEN	Fermat education	AI MO A PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	24	54
60	11032199	VU ANH KHOA	Fermat education	AN HOA PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	24	54
61	11032205	DAO MINH KHUE	Fermat education	BE VAN DAN PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	24	54
62	11032208	NGUYEN BAO THIEN KIM	Fermat education	CONG NGHE GIAO DUC HA NOI PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	24	54

No	Cand No	Name & Surname	Venue	School	City	Reading	Use	Total
63	11032238	PHAM GIA LINH	Fermat education	NEWTON 5 PRIMARY AND SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	30	24	54
64	11032298	PHUONG NAM	Fermat education	VINSCHOOL IMPERIA PRIMARY SCHOOL - HAI PHONG	Ha Noi	27	27	54
65	11032347	BUI TRAN THIEN NHAN	Fermat education	VINH HUNG PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	24	54
66	11032380	BUI XUAN PHUC	Fermat education	VINSCHOOL GREEN BAY	Ha Noi	30	24	54
67	11032464	NGUYEN VAN TRANG	Fermat education	THANH XUAN BAC PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	24	54
68	11032512	BUI DIEP ANH	Fermat education	LE QUY DON SECONDARY AND HIGH SCHOOL	Ha Noi	30	24	54
69	11032513	BUI MINH ANH	Fermat education	HUNG VUONG HIGH QUANLITY SCHOOL	Ha Noi	30	24	54
70	11032519	NGO DUC ANH	Fermat education	NGUYEN TAT THANH SECONDARY AND HIGH SCHOOL	Ha Noi	30	24	54
71	11032548	LUU NGOC DIEP	Fermat education	LE QUY DON SECONDARY AND HIGH SCHOOL	Ha Noi	30	24	54
72	11032556	DOAN HUONG GIANG	Fermat education	VAN PHUC SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	30	24	54
73	11032585	TRUONG MINH HUNG	Fermat education	VINSCHOOL TIMESCITY	Ha Noi	30	24	54
74	11032587	HOANG GIA HUY	Fermat education	NEWTON SECONDARY AND HIGH SCHOOL	Ha Noi	30	24	54
75	11032596	NGUYEN HUY KHANH	Fermat education	VAN PHUC SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	30	24	54
76	11032639	LUONG THANH NGA	Fermat education	GIANG VO SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	30	24	54
77	11032640	PHAN TO NGA	Fermat education	KHUONG DINH SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	30	24	54
78	11032654	MAI KHANH NHI	Fermat education	TRAN DUY HUNG SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	30	24	54
79	11032714	PHAN HAI YEN	Fermat education	NAM TU LIEM SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	30	24	54
80	11036154	TRAN THANH THAO	Fermat education	THANH XUAN NAM SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	30	24	54
81	11036249	MAI KHANH HA	Fermat education	VINH NINH PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	24	54
82	11039519	DAO PHUONG NHI	Fermat education	VAN CHUONG PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	24	54
83	11045268	PHAM GIA KHAI	Fermat education	NGUYEN DU SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	30	24	54
84	11036705	NGUYEN HUY HOANG	Fermat education	TRAN MAI NINH SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	30	24	54
85	11031941	DO HA AN	Fermat education	TRUNG VUONG PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	28	25,5	53,5
86	11032242	VAN HA LINH	Fermat education	TRAN QUOC TOAN PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	28	25,5	53,5
87	11034745	TRINH MINH TUAN	Fermat education	VINSCHOOL TIMES CITY	Ha Noi	28	25,5	53,5
88	11031916	NGUYEN THANH SON	Fermat education	AN DUONG VUONG PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	29	24	53
89	11031932	NGUYEN NGOC MINH	Fermat education	TAN THOI DAI PRIMARY AND SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	29	24	53
90	11032010	TRAN KHA AI	Fermat education	CHAU VAN LIEM PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	29	24	53
91	11032076	NGUYEN NGOC CHAU	Fermat education	AN HUNG PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	29	24	53
92	11032246	LE HAI LONG	Fermat education	TRUNG VAN PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	29	24	53
93	11032252	PHAN DUC LUAN	Fermat education	LY THAI TO PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	29	24	53

No	Cand No	Name & Surname	Venue	School	City	Reading	Use	Total
94	11032322	DANG BICH NGOC	Fermat education	NGUYEN TRAI PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	29	24	53
95	11032341	PHAN KHOI NGUYEN	Fermat education	LY THAI TO PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	29	24	53
96	11032357	NGUYEN DAN Y NHI	Fermat education	VO VAN TAN PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	29	24	53
97	11032417	DANG MINH QUANG	Fermat education	NGUYEN TRAI PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	29	24	53
98	11032439	HOANG ANH THU	Fermat education	VINH HUNG PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	29	24	53
99	11032648	LE KHOI NGUYEN	Fermat education	LUU KIEM SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	29	24	53
100	11036347	NGUYEN LE QUY BAO	Fermat education	MINH KHAI PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	29	24	53
101	11036677	NGUYEN HUU NHAT MINH	Fermat education	HOANG HOA THAM PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	29	24	53
102	11036688	LE DUC MINH	Fermat education	DIEN BIEN SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	29	24	53
103	11031924	PHAN NGUYEN DUC	Fermat education	TRAN QUOC TOAN PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	22,5	52,5
104	11031936	NGUYEN HOANG QUAN	Fermat education	TRAN DAI NGHIA PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	27	25,5	52,5
105	11031940	VU HUYNH MAI VY	Fermat education	DUOC SONG PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	22,5	52,5
106	11031962	HOANG MINH KHA	Fermat education	VO VAN TAN PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	22,5	52,5
107	11031985	DINH QUOC PHONG	Fermat education	TRANG AN HIGH QUANLITY PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	22,5	52,5
108	11032002	NGUYEN MINH TRANG	Fermat education	THE DEWEY SCHOOLS	Ha Noi	30	22,5	52,5
109	11032012	LUONG HAI AN	Fermat education	VINSCHOOL TIMESCITY T35	Ha Noi	30	22,5	52,5
110	11032013	NGO TRAN TAM AN	Fermat education	VINSCHOOL TIMESCITY T35	Ha Noi	30	22,5	52,5
111	11032019	NGUYEN PHUC AN	Fermat education	NGUYEN THAI HOC PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	22,5	52,5
112	11032043	NGUYEN PHUONG ANH	Fermat education	VAN CHUONG PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	22,5	52,5
113	11032044	NGUYEN QUOC ANH	Fermat education	TRUNG VUONG PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	22,5	52,5
114	11032046	NGUYEN TRAN BAO ANH	Fermat education	VINSCHOOL TIMESCITY T35	Ha Noi	30	22,5	52,5
115	11032071	DO MINH CHAU	Fermat education	NGUYEN THUONG HIEN PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	22,5	52,5
116	11032073	LE HOANG BAO CHAU	Fermat education	ALFRED NOBEL SCHOOL	Ha Noi	30	22,5	52,5
117	11032084	VU MINH CHAU	Fermat education	VINSCHOOL GREEN BAY	Ha Noi	30	22,5	52,5
118	11032111	NGUYEN TRI DUNG	Fermat education	VINSCHOOL TIMESCITY T36	Ha Noi	30	22,5	52,5
119	11032135	TA MINH HA	Fermat education	LE VAN TAM PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	22,5	52,5
120	11032178	TRAN KHANH HUY	Fermat education	AN HOA PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	22,5	52,5
121	11032196	VU DUY KHIEM	Fermat education	THACH BAN A PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	22,5	52,5
122	11032198	NGUYEN VIET ANH KHOA	Fermat education	LY THAI TO PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	22,5	52,5
123	11032225	DUONG GIA LINH	Fermat education	VINH HUNG PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	22,5	52,5
124	11032241	TRUONG TRUC LINH	Fermat education	VINSCHOOL GREEN BAY	Ha Noi	30	22,5	52,5

No	Cand No	Name & Surname	Venue	School	City	Reading	Use	Total
125	11032309	NGUYEN BAO NGAN	Fermat education	THANG NHAT PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	22,5	52,5
126	11032316	TRAN NGUYEN BAO NGAN	Fermat education	CHAU VAN LIEM PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	22,5	52,5
127	11032372	NGUYEN HAI PHONG	Fermat education	VINSCHOOL GARDENIA PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	22,5	52,5
128	11032424	BACH NGOC QUYEN	Fermat education	VINSCHOOL GREEN BAY	Ha Noi	30	22,5	52,5
129	11032430	NGUYEN HUU GIA THAI	Fermat education	BE VAN DAN PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	22,5	52,5
130	11032465	TRAN DAO BAO TRANG	Fermat education	VINH HUNG PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	22,5	52,5
131	11032466	BUI NGUYEN DUC TRI	Fermat education	SAO ANH DUONG MAPLE BEAR CANADA TAY HO PRIMA	Ha Noi	30	22,5	52,5
132	11032477	LE MINH TUAN	Fermat education	TRAN QUOC TOAN PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	22,5	52,5
133	11032484	TRAN NGUYEN THAI UYEN	Fermat education	SAO ANH DUONG MAPLE BEAR CANADA TAY HO PRIMA	Ha Noi	30	22,5	52,5
134	11032485	HOANG THANH VAN	Fermat education	KIM GIANG PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	22,5	52,5
135	11032502	LY PHUONG VY	Fermat education	VINSCHOOL IMPERIA PRIMARY SCHOOL - HAI PHONG	Ha Noi	30	22,5	52,5
136	11032536	TRAN THE BAO	Fermat education	VIET HUNG SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	30	22,5	52,5
137	11032550	THINH TUAN DUC	Fermat education	NEWTON SECONDARY AND HIGH SCHOOL	Ha Noi	30	22,5	52,5
138	11032590	TRAN VAN BAO HUY	Fermat education	LE LOI SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	30	22,5	52,5
139	11032609	DANG TUNG LINH	Fermat education	CHU VAN AN SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	30	22,5	52,5
140	11032625	HOANG NGOC MINH	Fermat education	NGUYEN TRAI SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	30	22,5	52,5
141	11032626	NGUYEN BINH MINH	Fermat education	VIET HUNG SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	30	22,5	52,5
142	11032630	NGUYEN NHAT MINH	Fermat education	LE QUY DON SECONDARY AND HIGH SCHOOL	Ha Noi	30	22,5	52,5
143	11032631	NGUYEN NHAT MINH	Fermat education	TRUNG VUONG SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	30	22,5	52,5
144	11032637	NGUYEN NHAT NAM	Fermat education	HOANG MAI SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	30	22,5	52,5
145	11032645	BUI DANH NHAT NGUYEN	Fermat education	LE QUY DON SECONDARY AND HIGH SCHOOL	Ha Noi	30	22,5	52,5
146	11032667	BUI LE QUE PHUONG	Fermat education	TRUNG VUONG SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	30	22,5	52,5
147	11032691	NGUYEN THI MAI TRANG	Fermat education	LE QUY DON SECONDARY AND HIGH SCHOOL	Ha Noi	30	22,5	52,5
148	11036190	NGUYEN TRIEU PHUONG	Fermat education	MERAKI EDUCATION	Ha Noi	30	22,5	52,5
149	11036239	NGUYEN HOANG KHANH LINH	Fermat education	LE LOI PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	22,5	52,5
150	11036240	NGUYEN NU BOI TRAN	Fermat education	QUANG TRUNG PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	22,5	52,5
151	11036242	LE NGOC PHUC NHA	Fermat education	LE LOI PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	22,5	52,5
152	11036250	NGUYEN THUC VINH KHA	Fermat education	VINH NINH PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	22,5	52,5
153	11036252	DANG PHUOC THUC ANH	Fermat education	NGUYEN TRI PHUONG SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	30	22,5	52,5
154	11036263	PHAN NGUYEN QUY AN	Fermat education	QUANG TRUNG PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	22,5	52,5
155	11036333	PHAM BINH MINH	Fermat education	CHU VAN AN SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	30	22,5	52,5

No	Cand No	Name & Surname	Venue	School	City	Reading	Use	Total
156	11036335	PHAM HOANG DONG NHI	Fermat education	LE LOI PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	22,5	52,5
157	11036474	CAO VU NAM	Fermat education	HOA HIEU 1 PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	22,5	52,5
158	11039514	LUONG KHANH LINH	Fermat education	VAN CHUONG PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	22,5	52,5
159	11039538	NGUYEN THANH BANG DAN	Fermat education	ALFRED NOBEL SCHOOL	Ha Noi	30	22,5	52,5
160	11036459	DANG NGUYEN BAO NGOC	Fermat education	LE VAN TAM PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	22,5	52,5
161	11036464	PHAM TRINH KIM CHI	Fermat education	LE VAN TAM PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	22,5	52,5
162	11036651	NGUYEN GIA KHANH	Fermat education	DIEN BIEN SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	30	22,5	52,5
163	11036702	VUONG QUYNH CHI	Fermat education	TRAN MAI NINH SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	30	22,5	52,5
164	11036714	DO THI TUYET NHI	Fermat education	NHU BA SY SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	30	22,5	52,5
165	11036716	LE MAI PHUONG	Fermat education	NHU BA SY SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	30	22,5	52,5
166	11032054	TRAN QUYNH ANH	Fermat education	SO 1 XA SON HA PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	28	24	52
167	11032244	LE BAO LONG	Fermat education	SO 1 XA SON HA PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	28	24	52
168	11032428	DAM THUC SAN	Fermat education	NGUYEN TRAI PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	28	24	52
169	11032581	LUONG THE HUNG	Fermat education	LE QUY DON SECONDARY AND HIGH SCHOOL	Ha Noi	28	24	52
170	11032582	NGUYEN HAI CHAN HUNG	Fermat education	TRAN PHU SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	28	24	52
171	11032610	LE PHUONG LINH	Fermat education	LE QUY DON SECONDARY AND HIGH SCHOOL	Ha Noi	28	24	52
172	11031971	NGO PHUONG LAN	Fermat education	QUANG TRUNG PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	29	22,5	51,5
173	11031974	NGUYEN BAO MINH	Fermat education	VO VAN TAN PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	29	22,5	51,5
174	11031987	KIEU NGUYEN PHONG	Fermat education	VINSCHOOL TIMESCITY T36	Ha Noi	29	22,5	51,5
175	11032042	NGUYEN PHUONG ANH	Fermat education	PHU THUONG PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	29	22,5	51,5
176	11032050	QUACH BAO ANH	Fermat education	VINSCHOOL TIMESCITY T35	Ha Noi	29	22,5	51,5
177	11032067	NGUYEN CANH BINH	Fermat education	LY THAI TO PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	26	25,5	51,5
178	11032077	NGUYEN QUYNH CHAU	Fermat education	VO VAN TAN PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	29	22,5	51,5
179	11032122	NGUYEN NHAT BAO DUY	Fermat education	HA HUY TAP PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	29	22,5	51,5
180	11032222	BUI DIEU LINH	Fermat education	LE LOI PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	26	25,5	51,5
181	11032245	LE HAI LONG	Fermat education	LY THAI TO PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	29	22,5	51,5
182	11032260	CHU DUC ANH MINH	Fermat education	NGUYEN TRAI PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	29	22,5	51,5
183	11032317	TRINH DIEU BICH NGAN	Fermat education	VINSCHOOL GARDENIA PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	29	22,5	51,5
184	11032330	PHAM KHANH NGOC	Fermat education	NGUYEN TAT THANH PRIMARY, SECONDARY AND HIGH S	Ha Noi	29	22,5	51,5
185	11032405	NGO HOANG QUAN	Fermat education	VINSCHOOL GREEN BAY	Ha Noi	29	22,5	51,5
186	11032506	HOANG HA AN	Fermat education	LE QUY DON SECONDARY AND HIGH SCHOOL	Ha Noi	29	22,5	51,5

No	Cand No	Name & Surname	Venue	School	City	Reading	Use	Total
187	11032530	TRAN NGOC KIM ANH	Fermat education	TRINH HOAI DUC SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	29	22,5	51,5
188	11032592	VU KHANH HUYEN	Fermat education	MY DINH 2 SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	29	22,5	51,5
189	11032594	TRAN TUAN KHANG	Fermat education	SENTIA SCHOOL	Ha Noi	29	22,5	51,5
190	11032603	NGO QUOC KIEN	Fermat education	TRINH HOAI DUC SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	29	22,5	51,5
191	11032607	NGUYEN NGOC PHUC LAM	Fermat education	NEWTON SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	29	22,5	51,5
192	11032695	LE DUC TRONG	Fermat education	BAI CHAY SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	29	22,5	51,5
193	11032710	DO HA VY	Fermat education	LE QUY DON SECONDARY AND HIGH SCHOOL	Ha Noi	29	22,5	51,5
194	11036175	LE NGUYEN HA PHUONG	Fermat education	SAI DONG PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	29	22,5	51,5
195	11036400	DO NHAT NGUYEN	Fermat education	CHUC SON A PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	29	22,5	51,5
196	11045261	CHU THUY DUONG	Fermat education	NGUYEN DU SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	29	22,5	51,5
197	11036343	LE BAO LONG	Fermat education	THI TRAN SO 2 PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	29	22,5	51,5
198	11036348	NGUYEN TIEN MINH	Fermat education	DIEN BIEN SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	29	22,5	51,5
199	11036467	TRAN VAN GIAP	Fermat education	LE VAN TAM PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	29	22,5	51,5
200	11036700	TRINH GIA BAO	Fermat education	MINH KHAI SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	29	22,5	51,5
201	11036703	NGUYEN THI ANH DUONG	Fermat education	NHU BA SY SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	29	22,5	51,5
202	11036721	LE HOANG THUY TIEN	Fermat education	NHU BA SY SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	29	22,5	51,5
203	11031907	TRUONG NGOC CHI	Fermat education	NGUYEN TRAI PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	27	24	51
204	11031939	DANG DIEM VI	Fermat education	NGUYEN SIEU PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	21	51
205	11031951	NGUYEN NGOC TU ANH	Fermat education	AN HOA PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	21	51
206	11031973	LE HONG PHUC MINH	Fermat education	LE QUY DON PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	21	51
207	11031991	NGUYEN BAO PHUC	Fermat education	VINSCHOOL GARDENIA PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	21	51
208	11031999	NGUYEN PHUONG TRA	Fermat education	VINSCHOOL GREEN BAY	Ha Noi	27	24	51
209	11032026	DUONG MINH ANH	Fermat education	VINSCHOOL TIMESCITY T35	Ha Noi	30	21	51
210	11032045	NGUYEN QUYNH ANH	Fermat education	NGUYEN TRAI PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	21	51
211	11032056	HOANG ANNA	Fermat education	NEWTON 5 PRIMARY AND SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	30	21	51
212	11032069	DAO MINH CHAU	Fermat education	PHUONG LIEN PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	21	51
213	11032094	NGUYEN QUOC CUONG	Fermat education	LY THAI TO PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	21	51
214	11032100	PHAM BICH DIEP	Fermat education	DICH VONG A PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	21	51
215	11032110	NGUYEN MINH DUNG	Fermat education	NGUYEN VAN TO PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	21	51
216	11032119	PHAM THUY DUONG	Fermat education	VINSCHOOL TIMESCITY T35	Ha Noi	30	21	51
217	11032153	NGUYEN NGOC BAO HAN	Fermat education	HANOI STAR PRIMARY AND SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	30	21	51

No	Cand No	Name & Surname	Venue	School	City	Reading	Use	Total
218	11032186	VO PHUC KHANG	Fermat education	NGUYEN THI NUOI PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	21	51
219	11032189	NGUYEN NGOC VAN KHANH	Fermat education	TRUNG VUONG PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	21	51
220	11032200	BUI NHAT KHOI	Fermat education	PHUONG MAI PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	21	51
221	11032284	TRINH BAO MINH	Fermat education	LE VAN TAM PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	21	51
222	11032311	NGUYEN NGOC BAO NGAN	Fermat education	TRUNG VUONG PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	21	51
223	11032318	TRUONG BAO NGAN	Fermat education	VINSCHOOL TIMESCITY T36	Ha Noi	30	21	51
224	11032319	LAM PHUONG NGHI	Fermat education	VO VAN TAN PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	21	51
225	11032321	PHAN CONG MINH NGHIA	Fermat education	HUYNH NGOC HUE PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	27	24	51
226	11032331	TRAN BAO NGOC	Fermat education	LY THAI TO PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	27	24	51
227	11032351	DANG LAM NHAT	Fermat education	CAO BA QUAT PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	21	51
228	11032365	PHAM AN NHIEU	Fermat education	VINSCHOOL GARDENIA PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	21	51
229	11032373	NGUYEN HAI PHONG	Fermat education	HONG HA PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	27	24	51
230	11032390	NGO HA PHUONG	Fermat education	VINSCHOOL GREEN BAY	Ha Noi	30	21	51
231	11032436	TRINH THANH THAO	Fermat education	VINSCHOOL TIMES CITY	Ha Noi	30	21	51
232	11032440	LE ANH THU	Fermat education	LE VAN TAM PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	21	51
233	11032442	GIAP BANG THAI THUY	Fermat education	CONG NGHE GIAO DUC HA NOI PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	21	51
234	11032511	TRAN TAM AN	Fermat education	LE QUY DON SECONDARY AND HIGH SCHOOL	Ha Noi	30	21	51
235	11032533	NGUYEN GIA BACH	Fermat education	LE QUY DON SECONDARY AND HIGH SCHOOL	Ha Noi	30	21	51
236	11032544	PHAN LINH DAN	Fermat education	DAM QUANG TRUNG SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	30	21	51
237	11032547	NGUYEN TIEN DAT	Fermat education	LY NAM DE SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	30	21	51
238	11032600	VU TRAN DANG KHOA	Fermat education	NGUYEN AN KHUONG SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	27	24	51
239	11032623	TRAN GIA MAN	Fermat education	LE HONG PHONG SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	27	24	51
240	11032624	HA DIEP MINH	Fermat education	TRAN PHU SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	30	21	51
241	11032650	NGUYEN THAO NGUYEN	Fermat education	DINH THIEN LY SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	30	21	51
242	11032704	PHAN NGOC CAT TUONG	Fermat education	TRINH HOAI DUC SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	30	21	51
243	11036173	NGUYEN HOANG NAM	Fermat education	THANH XUAN NAM SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	30	21	51
244	11036237	PHAM NGOC BAO NAM	Fermat education	VO THI SAU PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	21	51
245	11036238	NGUYEN THAO CHI	Fermat education	UK ACADEMY DA NANG	Ha Noi	30	21	51
246	11036246	NGUYEN KHANH AN	Fermat education	LY THUONG KIET PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	21	51
247	11036259	NGO TRAN NGOC HAN	Fermat education	CHU VAN AN SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	30	21	51
248	11039541	NGUYEN TRAN HA AN	Fermat education	ALFRED NOBEL SCHOOL	Ha Noi	30	21	51

No	Cand No	Name & Surname	Venue	School	City	Reading	Use	Total
249	11048977	DANG THANH VAN	Fermat education	VAN CHUONG PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	27	24	51
250	11036468	VU KHANH DAN CHI	Fermat education	LE VAN TAM PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	21	51
251	11031952	NGUYEN QUYNH ANH	Fermat education	NAM THANH CONG PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	28	22,5	50,5
252	11031981	PHAN HOANG KHANH NGAN	Fermat education	VO VAN TAN PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	28	22,5	50,5
253	11032114	HOANG MINH DUONG	Fermat education	LE VAN TAM PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	28	22,5	50,5
254	11032138	TRINH THANH HA	Fermat education	TAN DINH PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	28	22,5	50,5
255	11032148	TRAN TRUNG HAI	Fermat education	THANH XUAN TRUNG PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	28	22,5	50,5
256	11032273	NGUYEN DUY MINH	Fermat education	LY THAI TO PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	28	22,5	50,5
257	11032469	DOAN TRAN MINH TRI	Fermat education	HUYNH NGOC HUE PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	28	22,5	50,5
258	11032482	BUI THIEU TU UYEN	Fermat education	VINSCHOOL SMART CITY	Ha Noi	28	22,5	50,5
259	11032499	TRAN QUOC VUONG	Fermat education	KIM DONG PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	28	22,5	50,5
260	11032500	CAO NGOC TUONG VY	Fermat education	IRIS PRIMARY, SECONDARY AND HIGH SCHOOL	Ha Noi	28	22,5	50,5
261	11032520	NGUYEN DAN ANH	Fermat education	TRUNG VUONG SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	28	22,5	50,5
262	11032527	PHAM DINH THIEN ANH	Fermat education	LE QUY DON SECONDARY AND HIGH SCHOOL	Ha Noi	28	22,5	50,5
263	11032572	NGUYEN TRAN GIA HAN	Fermat education	NGO SY LIEN SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	28	22,5	50,5
264	11032614	NGUYEN TUONG LINH	Fermat education	TRUNG VUONG SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	28	22,5	50,5
265	11032652	NGUYEN HUYNH UYEN NHAN	Fermat education	TRINH HOAI DUC SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	28	22,5	50,5
266	11032703	DANG NGUYEN GIA CAT TUONG	Fermat education	VINSCHOOL TIMES CITY	Ha Noi	28	22,5	50,5
267	11036208	THAN HUYEN THU	Fermat education	MERAKI EDUCATION	Ha Noi	28	22,5	50,5
268	11036257	TRUONG VAN HOANG LONG	Fermat education	NGUYEN TRI PHUONG SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	28	22,5	50,5
269	11045258	NGUYEN BA THANH AN	Fermat education	NGUYEN DU SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	28	22,5	50,5
270	11036713	NGUYEN TRONG NGHIA	Fermat education	DONG THO SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	28	22,5	50,5
271	11031923	LE CONG CUONG	Fermat education	VINSCHOOL TIMESCITY T36	Ha Noi	29	21	50
272	11031937	BUI MINH TIEN	Fermat education	LY THAI TO PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	29	21	50
273	11031955	LE QUYNH CHI	Fermat education	NEWTON 5 PRIMARY AND SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	29	21	50
274	11032004	LE MINH TRIET	Fermat education	NGUYEN VAN THE PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	29	21	50
275	11032024	DAO MINH ANH	Fermat education	LY THAI TO PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	29	21	50
276	11032028	LAI NHAT BAO ANH	Fermat education	AI MO A PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	29	21	50
277	11032117	NGUYEN THAI BINH DUONG	Fermat education	NGUYEN THI MINH KHAI PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	29	21	50
278	11032169	VU HUU HUNG	Fermat education	VINSCHOOL THE HARMONY PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	29	21	50
279	11032182	LE DUY KHANG	Fermat education	VO VAN TAN PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	29	21	50

No	Cand No	Name & Surname	Venue	School	City	Reading	Use	Total
280	11032234	NGUYEN GIA LINH	Fermat education	NGUYEN TRAI PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	29	21	50
281	11032249	PHAM HA BAO LONG	Fermat education	ALFRED NOBEL SCHOOL	Ha Noi	29	21	50
282	11032272	NGUYEN DUC MINH	Fermat education	TRANG AN HIGH QUANLITY PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	26	24	50
283	11032274	NGUYEN LE MINH	Fermat education	VINSCHOOL PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	29	21	50
284	11032279	NGUYEN TIEN MINH	Fermat education	VINSCHOOL TIMES CITY	Ha Noi	29	21	50
285	11032280	PHAN HOANG MINH	Fermat education	NUI THANH PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	29	21	50
286	11032283	TRAN TUAN MINH	Fermat education	NGHIA DO PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	29	21	50
287	11032342	PHAN TRAN NHAT NGUYEN	Fermat education	NGUYEN BINH KHIEM PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	29	21	50
288	11032361	NGUYEN THI QUYNH NHI	Fermat education	VINSCHOOL SMART CITY	Ha Noi	29	21	50
289	11032377	PHAN NGUYEN PHONG	Fermat education	FPT PRIMARY AND SECONDARY SCHOOL - DA NANG	Ha Noi	29	21	50
290	11032403	LE MINH QUAN	Fermat education	XUAN AN PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	29	21	50
291	11032409	NGUYEN HOANG QUAN	Fermat education	LE VAN TAM PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	29	21	50
292	11032411	NGUYEN MINH QUAN	Fermat education	NGHIA DO PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	29	21	50
293	11032420	NGUYEN THANH QUANG	Fermat education	NGHIA DO PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	29	21	50
294	11032426	DAO TRUC QUYNH	Fermat education	BE VAN DAN PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	29	21	50
295	11032467	DANG TRAN TRI	Fermat education	NGUYEN TRAI PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	29	21	50
296	11032514	CHU XUAN ANH	Fermat education	NGUYEN SIEU SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	29	21	50
297	11032528	PHAM NGOC HIEU ANH	Fermat education	HUNG VUONG SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	29	21	50
298	11032529	PHAM QUYNH ANH	Fermat education	LE QUY DON SECONDARY AND HIGH SCHOOL	Ha Noi	29	21	50
299	11032566	NGUYEN HAI	Fermat education	LE QUY DON SECONDARY AND HIGH SCHOOL	Ha Noi	29	21	50
300	11032571	DINH NGOC HAN	Fermat education	PASCAL PRIMARY AND SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	29	21	50
301	11032589	TRAN DINH GIA HUY	Fermat education	TRUNG VUONG SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	29	21	50
302	11032617	VU PHUONG LINH	Fermat education	TRUNG VUONG SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	29	21	50
303	11032634	TRAN THAO MY	Fermat education	TRINH HOAI DUC SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	29	21	50
304	11032657	QUACH PHUONG NHI	Fermat education	LE NGOC HAN SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	29	21	50
305	11032661	HOANG NAM PHONG	Fermat education	PASCAL PRIMARY AND SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	29	21	50
306	11032672	TRAN PHUONG PHUONG	Fermat education	LE QUY DON SECONDARY AND HIGH SCHOOL	Ha Noi	29	21	50
307	11032678	NGUYEN THANH TAN	Fermat education	CHANH PHU HOA SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	29	21	50
308	11032706	NGUYEN MINH UYEN	Fermat education	LE QUY DON SECONDARY AND HIGH SCHOOL	Ha Noi	29	21	50
309	11036151	NGUYEN KHANH TUNG	Fermat education	THANH XUAN NAM SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	29	21	50
310	11036159	NGUYEN HUY KHANH	Fermat education	THANH XUAN NAM SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	29	21	50

No	Cand No	Name & Surname	Venue	School	City	Reading	Use	Total
311	11036174	VU MINH HAI	Fermat education	THANH XUAN NAM SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	29	21	50
312	11036683	NGUYEN HOANG NGUYEN	Fermat education	DIEN XUAN SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	29	21	50
313	11039543	DO TUAN KIET	Fermat education	LY NAM DE SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	29	21	50
314	11045260	CHU LE MANH HUNG	Fermat education	NGUYEN DU SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	29	21	50
315	11049868	LE NGUYEN HONG CHAU	Fermat education	LE VAN TAM PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	29	21	50
316	11036396	LUONG LE THAO MY	Fermat education	QUEENSLAND PRIMARY AND SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	29	21	50
317	11036719	LE MINH QUANG	Fermat education	TRAN MAI NINH SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	29	21	50
318	11032563	TRAN KHANH HA	Fermat education	LE QUY DON SECONDARY AND HIGH SCHOOL	Ha Noi	29	21	50
319	11031912	NGUYEN DINH ANH MINH	Fermat education	VINSCHOOL GREEN BAY	Ha Noi	27	22,5	49,5
320	11031922	NGUYEN HA CHI	Fermat education	VINSCHOOL TIMESCITY T36	Ha Noi	30	19,5	49,5
321	11031935	MAI THI YEN NHI	Fermat education	NGHIA MINH PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	19,5	49,5
322	11031942	LE NHAT AN	Fermat education	TRUNG YEN PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	19,5	49,5
323	11031945	DAO NHUNG ANH	Fermat education	VINSCHOOL TIMESCITY	Ha Noi	27	22,5	49,5
324	11031949	NGUYEN DANG HUE ANH	Fermat education	CONG NGHE GIAO DUC HA NOI PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	19,5	49,5
325	11032016	NGUYEN MAI THAI AN	Fermat education	VINSCHOOL GREEN BAY	Ha Noi	30	19,5	49,5
326	11032029	LE MINH ANH	Fermat education	VINSCHOOL PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	19,5	49,5
327	11032058	DO HOANG BACH	Fermat education	TRUNG VAN PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	19,5	49,5
328	11032061	LE KHOI BANG	Fermat education	SAO ANH DUONG MAPLE BEAR CANADA TAY HO PRIMA	Ha Noi	30	19,5	49,5
329	11032079	PHAN THAI CHAU	Fermat education	ALFRED NOBEL SCHOOL	Ha Noi	30	19,5	49,5
330	11032092	HUYNH CHI CUONG	Fermat education	VO VAN TAN PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	27	22,5	49,5
331	11032098	NGUYEN XUAN DIEM	Fermat education	GIANG TIEN PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	27	22,5	49,5
332	11032103	PHAM QUANG DUC	Fermat education	VINSCHOOL GREEN BAY	Ha Noi	30	19,5	49,5
333	11032133	LE KHANH HA	Fermat education	NGUYEN TRAI PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	27	22,5	49,5
334	11032162	HO LE HUY HOANG	Fermat education	AN HOA PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	19,5	49,5
335	11032191	TRAN NGUYEN HAI KHANH	Fermat education	TRANG AN HIGH QUANLITY PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	19,5	49,5
336	11032192	TRAN NHA KHANH	Fermat education	GIAP BAT PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	27	22,5	49,5
337	11032201	NGUYEN HOANG KHOI	Fermat education	KIM LIEN PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	19,5	49,5
338	11032214	NGUYEN PHU LAM	Fermat education	NGUYEN VAN TO PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	19,5	49,5
339	11032261	DANG QUANG MINH	Fermat education	LY THAI TO PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	19,5	49,5
340	11032278	NGUYEN QUANG MINH	Fermat education	LE HONG PHONG PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	19,5	49,5
341	11032293	DANG KHANH NAM	Fermat education	ALFRED NOBEL SCHOOL	Ha Noi	30	19,5	49,5

No	Cand No	Name & Surname	Venue	School	City	Reading	Use	Total
342	11032355	LE PHUONG NHI	Fermat education	VINSCHOOL METROPOLIS	Ha Noi	30	19,5	49,5
343	11032379	NGUYEN MINH PHU	Fermat education	LY THAI TO PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	19,5	49,5
344	11032402	LE DANG HOANG QUAN	Fermat education	ALBERT EINSTEIN PRIMARY, SECONDARY AND HIGH SCH	Ha Noi	27	22,5	49,5
345	11032435	LAI NHU THAO	Fermat education	LY THAI TO PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	19,5	49,5
346	11032459	NGUYEN NGOC BAO TRAN	Fermat education	ALFRED NOBEL SCHOOL	Ha Noi	30	19,5	49,5
347	11032463	NGUYEN TRINH HA TRANG	Fermat education	NGUYEN THI MINH KHAI SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	30	19,5	49,5
348	11032489	NGUYEN NGOC KHANH VAN	Fermat education	VINH HUNG PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	19,5	49,5
349	11032537	VU GIA BAO	Fermat education	YEN THUONG SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	27	22,5	49,5
350	11032539	NGUYEN NGOC MINH CHAU	Fermat education	NGUYEN TRUONG TO SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	30	19,5	49,5
351	11032573	NGO TRUNG HIEU	Fermat education	LE QUY DON SECONDARY AND HIGH SCHOOL	Ha Noi	27	22,5	49,5
352	11032595	BUI GIA KHANH	Fermat education	VAN PHUC SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	27	22,5	49,5
353	11032671	TRAN HA PHUONG	Fermat education	ARCHIMEDES ACADEMY SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	27	22,5	49,5
354	11032701	NGO ANH TUAN	Fermat education	PHU THI SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	30	19,5	49,5
355	11036156	HA NGOC KHANH LINH	Fermat education	THANH XUAN NAM SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	30	19,5	49,5
356	11036475	LE QUYNH ANH	Fermat education	HOA HIEU 1 PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	27	22,5	49,5
357	11036482	TRUONG TRUNG HAI	Fermat education	HOA HIEU 1 PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	19,5	49,5
358	11036490	HO NGUYEN NGOC HAN	Fermat education	HOA HIEU 1 PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	27	22,5	49,5
359	11036337	LE THU NGAN	Fermat education	THONG NHAT SECONDARY AND HIGH SCHOOL	Ha Noi	30	19,5	49,5
360	11036466	TRUONG MINH NGUYET	Fermat education	LE VAN TAM PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	19,5	49,5
361	11032210	BUI BAO LAM	Fermat education	XUAN DINH PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	27	22,5	49,5
362	11032146	PHUNG NHU HAI	Fermat education	HUU VAN PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	19,5	49,5
363	11032000	PHAN NGOC BAO TRAM	Fermat education	CONG NGHE GIAO DUC HA NOI PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	28	21	49
364	11032027	HOANG NAM ANH	Fermat education	VINSCHOOL GREEN BAY	Ha Noi	28	21	49
365	11032083	VU HOANG BAO CHAU	Fermat education	NGUYEN VAN TO PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	28	21	49
366	11032140	VU NGUYET HA	Fermat education	NGUYEN TRAI PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	28	21	49
367	11032259	BUI QUANG MINH	Fermat education	TRUONG VINH KY PRIMARY, SECONDARY AND HIGH SCH	Ha Noi	28	21	49
368	11032335	DO KHOI NGUYEN	Fermat education	CONG NGHE GIAO DUC HA NOI PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	28	21	49
369	11032382	HOANG TAM PHUC	Fermat education	AN PHU PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	28	21	49
370	11032384	NGUYEN HUNG PHUC	Fermat education	DICH VONG A PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	28	21	49
371	11032462	NGUYEN MINH TRANG	Fermat education	LY THAI TO PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	28	21	49
372	11032491	VU HA VAN	Fermat education	NGHIA DO PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	25	24	49

No	Cand No	Name & Surname	Venue	School	City	Reading	Use	Total
373	11032564	TRAN MY HA	Fermat education	MY DINH 2 SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	28	21	49
374	11032604	NGUYEN DUC KIEN	Fermat education	NGUYEN AN NINH SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	28	21	49
375	11032612	NGUYEN HA LINH	Fermat education	ME TRI SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	28	21	49
376	11032674	VUONG ANH QUAN	Fermat education	LE QUY DON SECONDARY AND HIGH SCHOOL	Ha Noi	28	21	49
377	11036484	THAI VO BAO NGOC	Fermat education	HOA HIEU 1 PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	28	21	49
378	11045259	TRAN ANH QUAN	Fermat education	NGUYEN DU SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	28	21	49
379	11036681	DO VU PHUONG LINH	Fermat education	LE VAN TAM PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	28	21	49
380	11032276	NGUYEN NHAT MINH	Fermat education	VINSCHOOL PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	28	21	49
381	11031913	NGUYEN BAO NGOC	Fermat education	NEWTON 5 PRIMARY AND SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	29	19,5	48,5
382	11032006	TRAN Y SINH TUE	Fermat education	VO VAN TAN PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	29	19,5	48,5
383	11032064	DINH GIA BAO	Fermat education	AN HOA PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	29	19,5	48,5
384	11032066	TRUONG GIA BAO	Fermat education	KIM DONG PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	29	19,5	48,5
385	11032075	NGUYEN MINH CHAU	Fermat education	IRIS PRIMARY, SECONDARY AND HIGH SCHOOL	Ha Noi	29	19,5	48,5
386	11032099	NGUYEN HOANG DIEP	Fermat education	PHU THUONG PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	26	22,5	48,5
387	11032129	VO QUYNH GIANG	Fermat education	VO VAN TAN PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	29	19,5	48,5
388	11032151	LE BAO HAN	Fermat education	LY THAI TO PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	29	19,5	48,5
389	11032158	BUI TRUNG HIEU	Fermat education	VINSCHOOL TIMES CITY	Ha Noi	29	19,5	48,5
390	11032179	VU MINH HUY	Fermat education	GIANG TIEN PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	29	19,5	48,5
391	11032306	DAO HONG NGAN	Fermat education	IRIS PRIMARY, SECONDARY AND HIGH SCHOOL	Ha Noi	29	19,5	48,5
392	11032326	NGUYEN KIM KHANH NGOC	Fermat education	LE VAN TAM PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	29	19,5	48,5
393	11032337	LE PHUONG NGUYEN	Fermat education	NGUYEN THI NUOI PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	29	19,5	48,5
394	11032350	NGUYEN HOANG NHAN	Fermat education	TAN THOI DAI PRIMARY AND SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	29	19,5	48,5
395	11032385	DANG HA PHUONG	Fermat education	CONG NGHE GIAO DUC HA NOI PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	29	19,5	48,5
396	11032431	MAI BAO THANG	Fermat education	LY THAI TO PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	29	19,5	48,5
397	11032451	TRINH HUU TOAN	Fermat education	LY THAI TO PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	29	19,5	48,5
398	11032457	LE THI BAO TRAN	Fermat education	NGUYEN TRAI PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	29	19,5	48,5
399	11032495	PHAM MINH VU	Fermat education	LE HONG PHONG PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	29	19,5	48,5
400	11032518	LE DIEP ANH	Fermat education	LE QUY DON SECONDARY AND HIGH SCHOOL	Ha Noi	29	19,5	48,5
401	11032554	VU DANG DUONG	Fermat education	LE QUY DON SECONDARY AND HIGH SCHOOL	Ha Noi	29	19,5	48,5
402	11032597	PHAM GIA KHIEM	Fermat education	NGUYEN SIEU SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	29	19,5	48,5
403	11032616	TRAN TUNG LINH	Fermat education	NGUYEN TRUONG TO SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	29	19,5	48,5

No	Cand No	Name & Surname	Venue	School	City	Reading	Use	Total
404	11032663	NGUYEN HAI PHONG	Fermat education	LE THI TRUNG SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	29	19,5	48,5
405	11032690	LE MAI TRANG	Fermat education	KHUONG DINH SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	29	19,5	48,5
406	11034744	NGUYEN DUC BINH	Fermat education	VINSCHOOL GREENBAY	Ha Noi	29	19,5	48,5
407	11036119	TRAN NGOC ANH DUONG	Fermat education	PHAN NGOC HIEN SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	29	19,5	48,5
408	11036222	NGO KHOI NGUYEN	Fermat education	MERAKI EDUCATION	Ha Noi	29	19,5	48,5
409	11036254	NGUYEN MINH THU	Fermat education	NGUYEN CHI DIEU SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	29	19,5	48,5
410	11036332	NGUYEN KHANH MINH	Fermat education	NGUYEN TRI PHUONG SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	29	19,5	48,5
411	11036399	TRINH MINH TUAN	Fermat education	NGUYEN VAN TROI PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	26	22,5	48,5
412	11036723	NGUYEN NGUYEN TRUC	Fermat education	TRAN MAI NINH SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	29	19,5	48,5
413	11032017	NGUYEN MINH AN	Fermat education	DICH VONG A PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	29	19,5	48,5
414	11031917	DO MINH TRI	Fermat education	LY TU TRONG PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	27	21	48
415	11031957	TRAN NGUYEN DUC	Fermat education	VINSCHOOL GARDENIA PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	18	48
416	11031975	VU BUI NHAT MINH	Fermat education	VINSCHOOL TIMESCITY T35	Ha Noi	30	18	48
417	11031997	LAI THUY TIEN	Fermat education	NEWTON 5 PRIMARY AND SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	27	21	48
418	11032007	LE NGUYEN BAO XUAN	Fermat education	CONG NGHE GIAO DUC HA NOI PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	18	48
419	11032030	LE NGOC CHAU ANH	Fermat education	VINSCHOOL TIMESCITY T36	Ha Noi	27	21	48
420	11032040	NGUYEN NGOC CHAU ANH	Fermat education	GIAP BAT PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	27	21	48
421	11032085	NGUYEN HANH CHI	Fermat education	LY THAI TO PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	18	48
422	11032134	NGUYEN PHUONG HA	Fermat education	GIANG TIEN PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	18	48
423	11032152	NGUYEN NGO BAO HAN	Fermat education	NGUYEN THAI HOC PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	18	48
424	11032235	NGUYEN KHANH LINH	Fermat education	VINH HUNG PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	27	21	48
425	11032236	NGUYEN NGOC PHUONG LINH	Fermat education	ALFRED NOBEL SCHOOL	Ha Noi	30	18	48
426	11032247	NGUYEN HAI LONG	Fermat education	LY THAI TO PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	27	21	48
427	11032257	NGUYEN DUC MANH	Fermat education	VINH HUNG PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	18	48
428	11032358	NGUYEN DIEU NHI	Fermat education	ERA SCHOOL - ME LINH	Ha Noi	30	18	48
429	11032362	PHAM QUYNH NHI	Fermat education	SO 3 XA XUAN QUANG PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	27	21	48
430	11032400	DINH TRAN MINH QUAN	Fermat education	DINH TIEN HOANG PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	18	48
431	11032413	TRAN HOANG QUAN	Fermat education	VO VAN TAN PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	27	21	48
432	11032486	HOANG THUY VAN	Fermat education	VINH HUNG PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	18	48
433	11032501	LE NHAT VY	Fermat education	THAI THINH PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	18	48
434	11032505	BUI PHUONG AN	Fermat education	KHUONG DINH SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	30	18	48

No	Cand No	Name & Surname	Venue	School	City	Reading	Use	Total
435	11032552	HOANG THUY DUNG	Fermat education	HUNG VUONG HIGH QUANLITY SCHOOL	Ha Noi	27	21	48
436	11032559	DAO NHAT HA	Fermat education	PASCAL PRIMARY AND SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	27	21	48
437	11032598	NGUYEN DUC BACH KHOA	Fermat education	NGUYEN DU SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	30	18	48
438	11032620	PHAM HUY BAO LONG	Fermat education	VINSCHOOL IMPERIA	Ha Noi	30	18	48
439	11032692	PHAN DIEP LINH TRANG	Fermat education	NGUYEN AN NINH SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	30	18	48
440	11032697	NGUYEN NAM TRUONG	Fermat education	PHU THI SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	27	21	48
441	11032700	LE TRONG TUAN	Fermat education	TRINH HOAI DUC SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	30	18	48
442	11036261	VO QUANG NGUYEN KHOI	Fermat education	NGUYEN TRI PHUONG SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	30	18	48
443	11036488	NGUYEN HAI NAM	Fermat education	HOA HIEU 1 PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	27	21	48
444	11036654	TRAN VU QUYNH NHI	Fermat education	NGUYEN TRAI PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	18	48
445	11036397	NGO HAO NHIEU	Fermat education	QUEENSLAND PRIMARY AND SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	30	18	48
446	11036460	LE THI THAO NGUYEN	Fermat education	LE VAN TAM PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	27	21	48
447	11036698	LE VAN ANH	Fermat education	NHU BA SY SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	27	21	48
448	11032183	NGUYEN PHUC MINH KHANG	Fermat education	PHU DONG PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	18	48
449	11031953	NGUYEN PHAM NGUYEN BACH	Fermat education	NGUYEN TRAI PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	28	19,5	47,5
450	11031960	NGUYEN LAN HUONG	Fermat education	VINSCHOOL GARDENIA PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	28	19,5	47,5
451	11032060	NGUYEN GIA BACH	Fermat education	LY THAI TO PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	28	19,5	47,5
452	11032104	PHAM QUANG DUC	Fermat education	TRUNG PHUNG PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	28	19,5	47,5
453	11032154	TRAN BAO HAN	Fermat education	NGHIA DO PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	28	19,5	47,5
454	11032176	TRAN DUC HUY	Fermat education	LY THAI TO PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	28	19,5	47,5
455	11032281	PHAN QUANG MINH	Fermat education	THAI BINH DUONG PRIMARY, SECONDARY AND HIGH SC	Ha Noi	28	19,5	47,5
456	11032320	NGUYEN TRAN PHUONG NGHI	Fermat education	VO VAN TAN PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	25	22,5	47,5
457	11032371	NGO HAI PHONG	Fermat education	NGHIA DO PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	28	19,5	47,5
458	11032419	NGUYEN DANG QUANG	Fermat education	VINH HUNG PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	28	19,5	47,5
459	11032427	NGUYEN NGOC QUYNH	Fermat education	HONG HA PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	28	19,5	47,5
460	11032473	NGUYEN DINH TRI	Fermat education	VINSCHOOL GOLDEN RIVER	Ha Noi	28	19,5	47,5
461	11032498	LE THIEN VUONG	Fermat education	VO VAN TAN PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	25	22,5	47,5
462	11032602	NGUYEN MINH KHOI	Fermat education	NGUYEN AN NINH SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	28	19,5	47,5
463	11032605	NGUYEN ANH KIET	Fermat education	NEWTON SECONDARY AND HIGH SCHOOL	Ha Noi	28	19,5	47,5
464	11032611	NGUYEN HA LINH	Fermat education	LE QUY DON SECONDARY AND HIGH SCHOOL	Ha Noi	28	19,5	47,5
465	11032632	NGUYEN NHAT MINH	Fermat education	AMSTERDAM SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	28	19,5	47,5

No	Cand No	Name & Surname	Venue	School	City	Reading	Use	Total
466	11032689	NGUYEN BAO TRAN	Fermat education	TRINH HOAI DUC SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	28	19,5	47,5
467	11032707	NGUYEN THAO UYEN	Fermat education	NGO SI LIEN SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	28	19,5	47,5
468	11036206	NGUYEN VU HUNG	Fermat education	MERAKI EDUCATION	Ha Noi	25	22,5	47,5
469	11036251	PHAN CONG MINH	Fermat education	NGUYEN TRI PHUONG SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	28	19,5	47,5
470	11036256	NGUYEN KHANH NGOC	Fermat education	CHU VAN AN SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	28	19,5	47,5
471	11036645	NGUYEN QUANG MINH	Fermat education	ALBERT EINSTEIN PRIMARY, SECONDARY AND HIGH SCH	Ha Noi	28	19,5	47,5
472	11036649	NGUYEN HOANG BAO LONG	Fermat education	AI MO B PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	28	19,5	47,5
473	11036728	TRAN THANH TRANG	Fermat education	NGHI PHU 2 PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	28	19,5	47,5
474	11048976	PHAM NGUYEN HOANG HA	Fermat education	VAN CHUONG PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	28	19,5	47,5
475	11036630	NGUYEN PHAM TRUC QUYNH	Fermat education	NGUYEN VAN TROI PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	28	19,5	47,5
476	11031931	LE NHAT MINH	Fermat education	QUANG TRUNG PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	26	21	47
477	11031934	NGUYEN HOAI GIA NGOC	Fermat education	QUANG TRUNG PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	29	18	47
478	11031947	LE DUC ANH	Fermat education	VINSCHOOL GARDENIA PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	29	18	47
479	11031948	LE VU HIEN ANH	Fermat education	VINSCHOOL GARDENIA PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	29	18	47
480	11031965	PHAN NAM KHANH	Fermat education	VINSCHOOL GARDENIA PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	26	21	47
481	11031967	NGUYEN TRAC KHOI	Fermat education	VINSCHOOL GARDENIA PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	29	18	47
482	11031983	CHU LE KHOI NGUYEN	Fermat education	VINSCHOOL GREEN BAY	Ha Noi	29	18	47
483	11032090	NGUYEN VO MINH CHUONG	Fermat education	VINSCHOOL GOLDEN RIVER	Ha Noi	29	18	47
484	11032144	NGUYEN XUAN HAI	Fermat education	VINSCHOOL GREEN BAY	Ha Noi	26	21	47
485	11032194	NGUYEN GIA KHIEM	Fermat education	VO VAN TAN PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	29	18	47
486	11032202	NGUYEN LE NGUYEN KHOI	Fermat education	HUYNH NGOC HUE PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	29	18	47
487	11032203	TRAN MINH KHOI	Fermat education	TESLA EDUCATION	Ha Noi	29	18	47
488	11032215	NGUYEN PHUONG LAM	Fermat education	VINSCHOOL TIMESCITY T35	Ha Noi	29	18	47
489	11032289	LE HA MY	Fermat education	HUYNH NGOC HUE PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	29	18	47
490	11032301	TRINH HAI NAM	Fermat education	VINSCHOOL TIMESCITY T35	Ha Noi	29	18	47
491	11032315	PHI LE BAO NGAN	Fermat education	VINHOM GREENBAY	Ha Noi	26	21	47
492	11032360	NGUYEN PHUONG NHI	Fermat education	NGUYEN TRAI PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	29	18	47
493	11032452	PHUNG PHUONG TRA	Fermat education	LY THAI TO PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	29	18	47
494	11032455	DAO NGOC BAO TRAN	Fermat education	LE VAN TAM PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	29	18	47
495	11032471	HOANG MINH TRI	Fermat education	NGUYEN THI MINH KHAI SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	29	18	47
496	11032478	LUU MINH TUAN	Fermat education	NAM THANH CONG PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	29	18	47

No	Cand No	Name & Surname	Venue	School	City	Reading	Use	Total
497	11032555	VU NGUYEN DUC DUY	Fermat education	VAN DUC SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	26	21	47
498	11032557	NGUYEN LINH GIANG	Fermat education	NEWTON SECONDARY AND HIGH SCHOOL	Ha Noi	29	18	47
499	11032586	VU PHU HUNG	Fermat education	VINH HUNG SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	29	18	47
500	11032601	HUYNH MINH KHOI	Fermat education	TRINH HOAI DUC SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	29	18	47
501	11032653	LE HUU NHAT	Fermat education	MAI DICH SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	29	18	47
502	11032677	DO NGOC QUYEN	Fermat education	HANOI STAR PRIMARY AND SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	26	21	47
503	11036241	TRAN KHANH THU	Fermat education	THUAN THANH PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	29	18	47
504	11032258	BUI NHAT MINH	Fermat education	CANH DUONG PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	29	18	47
505	11032713	LE HOANG YEN	Fermat education	DIEN BIEN SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	26	21	47
506	11036338	NGUYEN HANH NGUYEN	Fermat education	LE DINH KIEN SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	26	21	47
507	11036489	TRAN KHANH LINH	Fermat education	HOA HIEU 1 PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	26	21	47
508	11031976	LE NGOC KHANH MY	Fermat education	LY THAI TO PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	27	19,5	46,5
509	11031979	LE BAO NGAN	Fermat education	LY THAI TO PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	16,5	46,5
510	11031984	TRAN QUYNH NGUYEN	Fermat education	TRANG AN HIGH QUANLITY PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	27	19,5	46,5
511	11032001	PHAM BAO TRAN	Fermat education	CONG NGHE GIAO DUC HA NOI PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	27	19,5	46,5
512	11032068	VU NHAT BINH	Fermat education	KIM LIEN PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	27	19,5	46,5
513	11032074	NGUYEN MINH CHAU	Fermat education	NEWTON 5 PRIMARY AND SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	27	19,5	46,5
514	11032081	THINH NGO MINH CHAU	Fermat education	AN HOA PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	27	19,5	46,5
515	11032087	NGUYEN NGOC BAO CHI	Fermat education	TAY SON PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	16,5	46,5
516	11032172	DO BAO HUY	Fermat education	NGUYEN TRAI PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	27	19,5	46,5
517	11032177	TRAN GIA HUY	Fermat education	THACH BAN A PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	27	19,5	46,5
518	11032180	BUI DIEU HUYEN	Fermat education	NGUYEN TRAI PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	27	19,5	46,5
519	11032220	VU BAO LAM	Fermat education	KHUONG THUONG PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	16,5	46,5
520	11032237	NGUYEN PHUONG LINH	Fermat education	IRIS PRIMARY, SECONDARY AND HIGH SCHOOL	Ha Noi	27	19,5	46,5
521	11032268	LUC THIEN MINH	Fermat education	TRUNG VUONG PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	27	19,5	46,5
522	11032288	VU LE NHAT MINH	Fermat education	NGUYEN TRAI PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	24	22,5	46,5
523	11032307	DOAN BAO NGAN	Fermat education	GIAP BAT PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	27	19,5	46,5
524	11032328	NGUYEN MINH NGOC	Fermat education	KIM DONG PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	27	19,5	46,5
525	11032329	NGUYEN MINH NGOC	Fermat education	NGHIA DO PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	16,5	46,5
526	11032378	TRAN ANH PHONG	Fermat education	TRANG AN HIGH QUANLITY PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	16,5	46,5
527	11032386	DUONG NAM PHUONG	Fermat education	THI TRAN CHI LANG 2 PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	27	19,5	46,5

No	Cand No	Name & Surname	Venue	School	City	Reading	Use	Total
528	11032404	LE NGAN QUAN	Fermat education	HUYNH NGOC HUE PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	27	19,5	46,5
529	11032408	NGUYEN HOANG QUAN	Fermat education	NGUYEN TRAI PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	27	19,5	46,5
530	11032425	DO NGUYEN THUC QUYEN	Fermat education	NGUYEN TRAI PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	27	19,5	46,5
531	11032504	NGUYEN LY LINH VY	Fermat education	CONG NGHE GIAO DUC HA NOI PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	16,5	46,5
532	11032562	NGUYEN VAN HA	Fermat education	LE QUY DON SECONDARY AND HIGH SCHOOL	Ha Noi	27	19,5	46,5
533	11032646	BUI THAO NGUYEN	Fermat education	KHUONG DINH SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	27	19,5	46,5
534	11032660	NGUYEN TAT PHAT	Fermat education	NGUYEN AN NINH SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	30	16,5	46,5
535	11032687	NGUYEN THE TON	Fermat education	LE QUY DON SECONDARY AND HIGH SCHOOL	Ha Noi	27	19,5	46,5
536	11034734	TRUONG DUC THANG	Fermat education	LY THAI TO PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	27	19,5	46,5
537	11036126	HOANG NGOC CHIEN	Fermat education	HELIOS LANGUAGE CENTRE	Ha Noi	30	16,5	46,5
538	11036153	VU GIA KHANH	Fermat education	THANH XUAN NAM SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	27	19,5	46,5
539	11036234	NGUYEN MINH CHAU	Fermat education	ALFRED NOBEL SCHOOL	Ha Noi	27	19,5	46,5
540	11036253	PHAM QUYNH ANH	Fermat education	SKYLINE BEACH PRIMARY SCHOOL - DA NANG	Ha Noi	27	19,5	46,5
541	11039508	NGUYEN MINH HANG	Fermat education	YEN NINH PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	27	19,5	46,5
542	11032521	NGUYEN HONG ANH	Fermat education	DIEN BIEN SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	27	19,5	46,5
543	11036465	NGUYEN BUI MINH ANH	Fermat education	LE VAN TAM PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	27	19,5	46,5
544	11036470	LUONG MINH NGOC	Fermat education	LE VAN TAM PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	27	19,5	46,5
545	11036656	NGUYEN THI VAN ANH	Fermat education	NGUYEN VAN TROI PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	27	19,5	46,5
546	11032185	PHUNG DUC KHANG	Fermat education	TRUNG VUONG PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	27	19,5	46,5
547	11031963	TRAN MINH KHANG	Fermat education	CONG NGHE GIAO DUC HA NOI PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	28	18	46
548	11032035	NGUYEN HOANG LAM ANH	Fermat education	KHUONG THUONG PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	28	18	46
549	11032059	NGUYEN DUY BACH	Fermat education	TRUNG TU PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	28	18	46
550	11032078	PHAM SY BAO CHAU	Fermat education	BE VAN DAN PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	28	18	46
551	11032145	PHAM PHUC HAI	Fermat education	VINSCHOOL GREEN BAY	Ha Noi	25	21	46
552	11032149	HOANG NGOC HAN	Fermat education	VINSCHOOL THE HARMONY PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	28	18	46
553	11032163	LUONG HUY HOANG	Fermat education	YEN NINH PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	28	18	46
554	11032170	TA MINH HUONG	Fermat education	VINH HUNG PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	25	21	46
555	11032184	PHAM MINH KHANG	Fermat education	TRANG AN HIGH QUANLITY PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	28	18	46
556	11032204	CAO NGOC KHUE	Fermat education	VINSCHOOL TIMESCITY T35	Ha Noi	28	18	46
557	11032262	DINH DUC MINH	Fermat education	CONG NGHE GIAO DUC HA NOI PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	28	18	46
558	11032263	DO NGOC MINH MINH	Fermat education	IRIS PRIMARY, SECONDARY AND HIGH SCHOOL	Ha Noi	28	18	46

No	Cand No	Name & Surname	Venue	School	City	Reading	Use	Total
559	11032297	NGUYEN MINH NAM	Fermat education	VINSCHOOL THE HARMONY PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	28	18	46
560	11032302	VU BAO NAM	Fermat education	NGUYEN TRAI PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	25	21	46
561	11032303	WANG AN NAM	Fermat education	LE VAN TAM PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	28	18	46
562	11032343	TRUONG PHUC NGUYEN	Fermat education	LY THAI TO PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	28	18	46
563	11032344	VU AN NGUYEN	Fermat education	BE VAN DAN PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	28	18	46
564	11032354	CAO VU PHUONG NHI	Fermat education	VINH HUNG PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	28	18	46
565	11032383	NGUYEN HOANG PHUC	Fermat education	VO VAN TAN PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	28	18	46
566	11032396	CAN MINH QUAN	Fermat education	DANG TRAN CON PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	28	18	46
567	11032448	NGO THI THUY TIEN	Fermat education	KHUONG MAI PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	28	18	46
568	11032458	NGUYEN NGOC TRAN	Fermat education	VINSCHOOL TIMESCITY T35	Ha Noi	28	18	46
569	11032496	TRAN DINH LONG VU	Fermat education	LY THAI TO PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	28	18	46
570	11032515	DAM PHUONG ANH	Fermat education	NGUYEN TRUONG TO SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	28	18	46
571	11032613	NGUYEN NHU KHANH LINH	Fermat education	KIM DONG SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	28	18	46
572	11032619	DAO VIET HAI LONG	Fermat education	KIM DONG SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	25	21	46
573	11036193	PHAM PHU GIA HUY	Fermat education	MERAKI EDUCATION	Ha Noi	28	18	46
574	11045264	NGUYEN BAO NGOC	Fermat education	NGUYEN DU SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	25	21	46
575	11047949	TA HA PHAN	Fermat education	LY THAI TO PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	28	18	46
576	11031933	TRINH HOANG THAO NGAN	Fermat education	VIET ANH PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	29	16,5	45,5
577	11031959	BUI THANH HUNG	Fermat education	NEWTON 5 PRIMARY AND SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	29	16,5	45,5
578	11031988	NGUYEN TUAN PHONG	Fermat education	CONG NGHE GIAO DUC HA NOI PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	29	16,5	45,5
579	11032022	TRAN TUE AN	Fermat education	NGUYEN THI MINH KHAI PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	26	19,5	45,5
580	11032025	DOAN BAO ANH	Fermat education	VINSCHOOL GARDENIA PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	29	16,5	45,5
581	11032089	TRAN KHANH CHI	Fermat education	VINSCHOOL TIMESCITY T35	Ha Noi	26	19,5	45,5
582	11032155	TRAN VU TRUC HAN	Fermat education	PHUONG LIEN PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	29	16,5	45,5
583	11032174	LE NGUYEN NHAT HUY	Fermat education	NGHIA DO PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	29	16,5	45,5
584	11032216	NGUYEN QUANG DUC LAM	Fermat education	LY THAI TO PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	26	19,5	45,5
585	11032364	NGUYEN NGOC AN NHIEN	Fermat education	XUAN AN PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	29	16,5	45,5
586	11032407	NGUYEN HOANG QUAN	Fermat education	LE VAN TAM PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	29	16,5	45,5
587	11032422	PHAM DANG QUANG	Fermat education	LY THAI TO PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	29	16,5	45,5
588	11032558	CAP NGUYEN THAI HA	Fermat education	TRINH HOAI DUC SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	26	19,5	45,5
589	11032593	DUONG VUONG KHANG	Fermat education	TRAN PHU SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	26	19,5	45,5

No	Cand No	Name & Surname	Venue	School	City	Reading	Use	Total
590	11032599	PHAM DANG KHOA	Fermat education	TRINH HOAI DUC SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	29	16,5	45,5
591	11032664	TRAN HAI PHONG	Fermat education	LY NAM DE SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	29	16,5	45,5
592	11032679	VU DINH MINH TAN	Fermat education	GIANG VO SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	29	16,5	45,5
593	11032694	THAN NGUYEN HUYEN TRANG	Fermat education	TRINH HOAI DUC SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	26	19,5	45,5
594	11032698	PHUNG XUAN TRUONG	Fermat education	LE QUY DON SECONDARY AND HIGH SCHOOL	Ha Noi	29	16,5	45,5
595	11032709	VU QUOC VIET	Fermat education	TRUONG VINH KY PRIMARY, SECONDARY AND HIGH SCH	Ha Noi	29	16,5	45,5
596	11036158	TRAN LE BAO KHANH	Fermat education	THANH XUAN NAM SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	29	16,5	45,5
597	11036161	VU THANH VAN	Fermat education	THANH XUAN NAM SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	29	16,5	45,5
598	11036163	NGUYEN QUYNH CHI	Fermat education	THANH XUAN NAM SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	29	16,5	45,5
599	11036262	VO DUC HUNG NGUYEN	Fermat education	NGUYEN CHI DIEU SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	29	16,5	45,5
600	11039507	NONG THI THUY NGA	Fermat education	YEN NINH PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	26	19,5	45,5
601	11036631	LE DUC PHU	Fermat education	NGUYEN VAN TROI PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	29	16,5	45,5
602	11036682	NGUYEN THIEN TOAN	Fermat education	NGUYEN VAN TROI PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	26	19,5	45,5
603	11031929	NGUYEN DUONG BAO KHANG	Fermat education	WELLSPRING PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	27	18	45
604	11032005	NGUYEN MANH TUAN	Fermat education	VINSCHOOL TIMES CITY	Ha Noi	27	18	45
605	11032093	LE MINH CUONG	Fermat education	THANH XUAN B PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	27	18	45
606	11032131	CAO THI PHUONG GIAO	Fermat education	VINSCHOOL GARDENIA PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	15	45
607	11032136	THIEU NGOC HA	Fermat education	HOANG LIET PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	27	18	45
608	11032147	TRAN MINH HAI	Fermat education	AN DUONG VUONG PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	15	45
609	11032157	CHU GIA HAO	Fermat education	AN HOA PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	15	45
610	11032164	DO QUANG HUNG	Fermat education	VINH HUNG PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	27	18	45
611	11032173	DO TUAN HUY	Fermat education	VINSCHOOL TIMES CITY	Ha Noi	27	18	45
612	11032229	HOANG NHAT LINH	Fermat education	PHU THUONG PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	27	18	45
613	11032233	NGUYEN DUONG NHAT LINH	Fermat education	VINSCHOOL THE HARMONY PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	15	45
614	11032240	TRINH PHUONG LINH	Fermat education	LE VAN TAM PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	27	18	45
615	11032253	LUU KHANH LY	Fermat education	THANH TRI PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	27	18	45
616	11032267	LE PHAM TUE MINH	Fermat education	THANH TRI PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	27	18	45
617	11032292	DAM KHANH NAM	Fermat education	NGUYEN THI MINH KHAI PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	27	18	45
618	11032296	NGUYEN HAI NAM	Fermat education	NEWTON 5 PRIMARY AND SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	24	21	45
619	11032332	TRAN HAI NGOC	Fermat education	VINH HUNG PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	24	21	45
620	11032334	DINH KHOI NGUYEN	Fermat education	VINSCHOOL TIMESCITY T35	Ha Noi	30	15	45

No	Cand No	Name & Surname	Venue	School	City	Reading	Use	Total
621	11032540	VO PHAM LINH CHI	Fermat education	TRINH HOAI DUC SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	27	18	45
622	11032542	DINH NGOC TAM DAN	Fermat education	HOANG MAI SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	27	18	45
623	11032567	NGUYEN THANH HAI	Fermat education	TRINH HOAI DUC SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	27	18	45
624	11032615	THAM HA LINH	Fermat education	TRUNG VUONG SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	24	21	45
625	11032636	LE HAI NAM	Fermat education	KHUONG DINH SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	27	18	45
626	11032662	NGUYEN HAI PHONG	Fermat education	NEWTON 5 PRIMARY AND SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	27	18	45
627	11032669	LE THU PHUONG	Fermat education	LE QUY DON SECONDARY AND HIGH SCHOOL	Ha Noi	27	18	45
628	11036120	PHAN DAN ANH	Fermat education	HELIOS LANGUAGE CENTRE	Ha Noi	27	18	45
629	11036162	NGUYEN KHANH LINH	Fermat education	THANH XUAN NAM SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	27	18	45
630	11036487	HOANG TUE QUYEN	Fermat education	HOA HIEU 1 PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	27	18	45
631	11039509	MA HA LINH	Fermat education	YEN NINH PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	27	18	45
632	11039510	HOANG HOAI ANH	Fermat education	YEN NINH PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	27	18	45
633	11039524	BUI TUE LAM	Fermat education	VINH HUNG PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	27	18	45
634	11036686	LE THE KHAI	Fermat education	DIEN BIEN SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	27	18	45
635	11032665	DANG NGUYEN NAM PHUC	Fermat education	HOANG LE KHA SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	27	18	45
636	11031914	PHAM HANH NGUYEN	Fermat education	ALFRED NOBEL SCHOOL	Ha Noi	25	19,5	44,5
637	11031943	NGUYEN BAO BINH AN	Fermat education	CONG NGHE GIAO DUC HA NOI PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	25	19,5	44,5
638	11031995	NGUYEN HOAI THANH	Fermat education	TRUNG TU PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	28	16,5	44,5
639	11032086	NGUYEN KHANH CHI	Fermat education	VINSCHOOL IMPERIA PRIMARY SCHOOL - HAI PHONG	Ha Noi	28	16,5	44,5
640	11032123	NGUYEN TUAN DUY	Fermat education	ERA SCHOOL - ME LINH	Ha Noi	28	16,5	44,5
641	11032139	VU NGUYEN VAN HA	Fermat education	ERA SCHOOL - ME LINH	Ha Noi	28	16,5	44,5
642	11032166	NGUYEN QUANG HUNG	Fermat education	VAN CHUONG PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	28	16,5	44,5
643	11032264	DOAN NGUYET MINH	Fermat education	DA HOP EDUCATION	Ha Noi	28	16,5	44,5
644	11032367	DO TAN PHAT	Fermat education	SPRING HILL PRIMARY AND SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	28	16,5	44,5
645	11032434	VO GIA THANH	Fermat education	VO VAN TAN PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	28	16,5	44,5
646	11032441	DUONG HOANG KIM THUY	Fermat education	HUYNH NGOC HUE PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	25	19,5	44,5
647	11032453	NGO BAO TRAM	Fermat education	IRIS PRIMARY, SECONDARY AND HIGH SCHOOL	Ha Noi	28	16,5	44,5
648	11032456	DO BAO TRAN	Fermat education	TAN THOI DAI PRIMARY AND SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	25	19,5	44,5
649	11032526	ONG BAO ANH	Fermat education	KIM DONG SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	25	19,5	44,5
650	11032676	THAI BA QUANG	Fermat education	THUC HANH SAI GON SCHOOL	Ha Noi	28	16,5	44,5
651	11032683	KIM NGUYEN THANH THAO	Fermat education	TRINH HOAI DUC SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	28	16,5	44,5

No	Cand No	Name & Surname	Venue	School	City	Reading	Use	Total
652	11032686	LE KHANH THUY	Fermat education	NGO SI LIEN SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	25	19,5	44,5
653	11036183	NGUYEN VIET HUY	Fermat education	MERAKI EDUCATION	Ha Noi	28	16,5	44,5
654	11036729	HO THI MINH HIEU	Fermat education	NGHI PHU 2 PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	28	16,5	44,5
655	11032300	TRAN BAO NAM	Fermat education	DARWIN PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	28	16,5	44,5
656	11036456	LE TRUONG AN	Fermat education	LE VAN TAM PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	28	16,5	44,5
657	11036684	LE MAI LINH	Fermat education	DIEN BIEN SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	28	16,5	44,5
658	11039548	LE KIEU GIANG	Fermat education	DIEN BIEN SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	25	19,5	44,5
659	11032039	NGUYEN NGOC ANH	Fermat education	THANH HUONG PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	25	19,5	44,5
660	11032165	LE PHUC HUNG	Fermat education	NGUYEN THUONG HIEN PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	25	19,5	44,5
661	11031964	PHAM XUAN AN KHANH	Fermat education	ALFRED NOBEL SCHOOL	Ha Noi	26	18	44
662	11031972	NGUYEN KHAC LONG	Fermat education	NGUYEN TRAI PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	26	18	44
663	11032082	TRAN LE MINH CHAU	Fermat education	VINSCHOOL TIMESCITY T36	Ha Noi	29	15	44
664	11032150	LE BAO HAN	Fermat education	ALFRED NOBEL SCHOOL	Ha Noi	29	15	44
665	11032171	LE QUANG HUU	Fermat education	NGUYEN TRAI PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	23	21	44
666	11032209	TRAN GIA LAC	Fermat education	VO VAN TAN PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	26	18	44
667	11032226	HA NHAT LINH	Fermat education	CONG NGHE GIAO DUC HA NOI PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	26	18	44
668	11032282	TA NHAT MINH	Fermat education	PHU THUONG PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	26	18	44
669	11032352	TRAN ANH NHAT	Fermat education	AN HOA PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	26	18	44
670	11032432	NGUYEN QUYET THANG	Fermat education	TAN MAI PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	26	18	44
671	11032444	NGUYEN DIEP THUY	Fermat education	NEWTON 5 PRIMARY AND SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	26	18	44
672	11032449	NGUYEN THUY TIEN	Fermat education	VINSCHOOL TIMESCITY T35	Ha Noi	26	18	44
673	11032474	NGUYEN MINH TRI	Fermat education	LY THAI TO PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	26	18	44
674	11032483	NGUYEN MINH UYEN	Fermat education	VINSCHOOL GREEN BAY	Ha Noi	26	18	44
675	11032517	HOANG NGOC ANH	Fermat education	LY NAM DE SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	26	18	44
676	11032538	LE NGUYEN MINH CHAU	Fermat education	VO TRUONG TOAN SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	26	18	44
677	11032565	TRAN THANH HA	Fermat education	EVEREST PRIMARY, SECONDARY AND HIGH SCHOOL	Ha Noi	26	18	44
678	11036160	DO CHU BAO NGOC	Fermat education	THANH XUAN NAM SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	26	18	44
679	11036258	NGUYEN LE MINH CHAU	Fermat education	NGUYEN CHI DIEU SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	26	18	44
680	11039522	NGUYEN NHAT MINH	Fermat education	LY THAI TO PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	29	15	44
681	11036533	NGUYEN NAM KHANH	Fermat education	SINGAPORE INTERNATIONAL SCHOOL	Ha Noi	29	15	44
682	11036704	LE PHUONG GIANG	Fermat education	THI TRAN VAN HA SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	29	15	44

No	Cand No	Name & Surname	Venue	School	City	Reading	Use	Total
683	11036204	NGUYEN LE QUY TRUNG	Fermat education	MERAKI EDUCATION	Ha Noi	26	18	44
684	11031902	DUONG THE DUC	Fermat education	TRUNG VUONG PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	24	19,5	43,5
685	11031927	PHAM NGOC HAN	Fermat education	NGUYEN TRAI PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	27	16,5	43,5
686	11031998	NGUYEN HUONG TRA	Fermat education	VINSCHOOL GARDENIA PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	13,5	43,5
687	11032020	PHAM HA AN	Fermat education	VINSCHOOL GREEN BAY	Ha Noi	30	13,5	43,5
688	11032031	LOC CHAU ANH	Fermat education	NGUYEN TRAI PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	27	16,5	43,5
689	11032032	NGUYEN DUC ANH	Fermat education	VINSCHOOL IMPERIA PRIMARY SCHOOL - HAI PHONG	Ha Noi	24	19,5	43,5
690	11032033	NGUYEN HA ANH	Fermat education	NEWTON 5 PRIMARY AND SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	27	16,5	43,5
691	11032108	NGUYEN CHI DUNG	Fermat education	VINSCHOOL GREEN BAY	Ha Noi	24	19,5	43,5
692	11032118	NGUYEN TRAN NAM DUONG	Fermat education	THOI HOA PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	24	19,5	43,5
693	11032137	TRAN NGUYET HA	Fermat education	CONG NGHE GIAO DUC HA NOI PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	27	16,5	43,5
694	11032254	LE NGOC MAI	Fermat education	GIANG TIEN PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	27	16,5	43,5
695	11032366	NGUYEN DO TAM NHU	Fermat education	THUONG COC PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	24	19,5	43,5
696	11032388	HUYNH LE BAO PHUONG	Fermat education	THAI VAN LUNG PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	13,5	43,5
697	11032395	NGUYEN VU BAO PHUONG	Fermat education	THAI THINH PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	21	22,5	43,5
698	11032421	NGUYEN VIET QUANG	Fermat education	VINSCHOOL GARDENIA PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	27	16,5	43,5
699	11032433	NGUYEN BA THANH	Fermat education	ERA SCHOOL - ME LINH	Ha Noi	27	16,5	43,5
700	11032535	TRAN GIA BAO	Fermat education	LY NAM DE SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	21	22,5	43,5
701	11032541	NGUYEN QUOC CUONG	Fermat education	HUNG VUONG SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	27	16,5	43,5
702	11032574	LE HOANG	Fermat education	KIM DONG SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	27	16,5	43,5
703	11032575	LE MINH HOANG	Fermat education	KHUONG DINH SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	27	16,5	43,5
704	11032608	CONG KHANH LINH	Fermat education	TRUNG VUONG SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	27	16,5	43,5
705	11032629	NGUYEN LE KHAI MINH	Fermat education	MUONG MAN SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	30	13,5	43,5
706	11036152	MAI PHAM NGOC LAM	Fermat education	THANH XUAN NAM SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	27	16,5	43,5
707	11036245	NGUYEN DUONG HOANG SAN	Fermat education	VY DA PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	21	22,5	43,5
708	11036648	NGO HONG PHUC	Fermat education	QUANG TIEN PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	24	19,5	43,5
709	11036655	PHAM NGUYEN NHAT HUY	Fermat education	BAC HA PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	24	19,5	43,5
710	11039511	LE DINH QUAN	Fermat education	YEN NINH PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	27	16,5	43,5
711	11039512	VU TUNG LAM	Fermat education	YEN NINH PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	27	16,5	43,5
712	11039544	NGUYEN HUU BAO	Fermat education	NEWTON SECONDARY AND HIGH SCHOOL	Ha Noi	27	16,5	43,5
713	11036458	TRAN PHUONG NAM	Fermat education	LE VAN TAM PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	27	16,5	43,5

No	Cand No	Name & Surname	Venue	School	City	Reading	Use	Total
714	11036536	NGUYEN GIA HAN	Fermat education	SINGAPORE INTERNATIONAL SCHOOL	Ha Noi	27	16,5	43,5
715	11031906	TRAN DANG BAO	Fermat education	NEWTON 5 PRIMARY AND SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	28	15	43
716	11032101	NGUYEN MINH DUC	Fermat education	NGUYEN TRAI PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	25	18	43
717	11032128	NGUYEN THU GIANG	Fermat education	VINSCHOOL GREEN BAY	Ha Noi	28	15	43
718	11032295	HOANG BAO NAM	Fermat education	BE VAN DAN PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	28	15	43
719	11032333	BUI HAI NGUYEN	Fermat education	VINH HUNG PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	25	18	43
720	11032340	PHAM KHOI NGUYEN	Fermat education	BE VAN DAN PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	25	18	43
721	11032359	NGUYEN NGOC TAM NHI	Fermat education	VINSCHOOL GREEN BAY	Ha Noi	28	15	43
722	11032468	DO MINH TRI	Fermat education	BE VAN DAN PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	28	15	43
723	11032507	NGUYEN DUC HA AN	Fermat education	TRUNG NHI SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	28	15	43
724	11032553	HOANG KHANH DUONG	Fermat education	LE QUY DON SECONDARY AND HIGH SCHOOL	Ha Noi	28	15	43
725	11032638	PHAN HOANG NAM	Fermat education	TAN DINH SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	28	15	43
726	11036149	BUI NGOC DIEP	Fermat education	THANH XUAN NAM SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	28	15	43
727	11036247	PHAN BAO PHUC	Fermat education	LY THUONG KIET PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	28	15	43
728	11036691	PHAM CHAU ANH	Fermat education	HOANG MAI SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	28	15	43
729	11045263	NGUYEN LE DUY THAI	Fermat education	NGUYEN DU SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	28	15	43
730	11032531	TRUONG MY ANH	Fermat education	DIEN BIEN SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	25	18	43
731	11032588	NGUYEN CONG HUY	Fermat education	KHUONG DINH SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	25	18	43
732	11031969	TRUONG TUONG LAM	Fermat education	TRAN QUOC TOAN PRIMARY AND SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	25	18	43
733	11032746	LE NGUYEN THANH TRUC	Fermat education	CANH DUONG PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	28	15	43
734	11032188	NGUYEN NGOC KHANH	Fermat education	NGUYEN TRAI PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	23	19,5	42,5
735	11032190	NGUYEN NGOC VAN KHANH	Fermat education	TAY UC PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	29	13,5	42,5
736	11032232	NGO GIA LINH	Fermat education	HONG HA PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	26	16,5	42,5
737	11032239	PHAM KHANH LINH	Fermat education	VINSCHOOL IMPERIA PRIMARY SCHOOL - HAI PHONG	Ha Noi	26	16,5	42,5
738	11032248	NGUYEN TUAN LONG	Fermat education	NGUYEN TRAI PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	26	16,5	42,5
739	11032270	NGUYEN BINH MINH	Fermat education	KIM LIEN PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	26	16,5	42,5
740	11032313	NGUYEN THU NGAN	Fermat education	VAN CHUONG PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	29	13,5	42,5
741	11032324	NGUYEN DANG BAO NGOC	Fermat education	VINSCHOOL TIMESCITY T35	Ha Noi	29	13,5	42,5
742	11032381	CHU NGUYEN PHUC	Fermat education	VINSCHOOL IMPERIA PRIMARY SCHOOL - HAI PHONG	Ha Noi	26	16,5	42,5
743	11032393	NGUYEN THU PHUONG	Fermat education	VINSCHOOL GARDENIA PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	29	13,5	42,5
744	11032476	TA MINH TRIET	Fermat education	DONG TAM PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	26	16,5	42,5

No	Cand No	Name & Surname	Venue	School	City	Reading	Use	Total
745	11032503	NGUYEN KHANH VY	Fermat education	VO VAN TAN PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	26	16,5	42,5
746	11032509	NGUYEN TRAN BAO AN	Fermat education	TRINH HOAI DUC SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	29	13,5	42,5
747	11032522	NGUYEN KHIET TUONG ANH	Fermat education	TRINH HOAI DUC SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	26	16,5	42,5
748	11032549	NGO XUAN MINH DUC	Fermat education	LE QUY DON SECONDARY AND HIGH SCHOOL	Ha Noi	26	16,5	42,5
749	11032569	PHAN THANH HAI	Fermat education	ME TRI SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	23	19,5	42,5
750	11032577	VU HUY HOANG	Fermat education	GIANG TIEN SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	26	16,5	42,5
751	11032591	DO THI KHANH HUYEN	Fermat education	GIANG TIEN SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	26	16,5	42,5
752	11032641	TRAN QUE NGAN	Fermat education	TRINH HOAI DUC SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	26	16,5	42,5
753	11032659	PHAN HOANG TRUC NHU	Fermat education	TRINH HOAI DUC SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	26	16,5	42,5
754	11032711	PHAN NGUYEN HA VY	Fermat education	THAI BINH DUONG PRIMARY, SECONDARY AND HIGH SC	Ha Noi	23	19,5	42,5
755	11045267	NGUYEN BAO CHAU	Fermat education	NGUYEN DU SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	26	16,5	42,5
756	11036469	DANG THI HUYEN THUONG	Fermat education	LE VAN TAM PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	26	16,5	42,5
757	11032091	DO MANH CUONG	Fermat education	NEWTON 5 PRIMARY AND SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	27	15	42
758	11032113	DO NGOC ANH DUONG	Fermat education	BE VAN DAN PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	24	18	42
759	11032116	NGUYEN DAI DUONG	Fermat education	VINH HUNG PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	27	15	42
760	11032156	NGUYEN LUONG MINH HANG	Fermat education	BE VAN DAN PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	30	12	42
761	11032206	NGUYEN MINH KHUE	Fermat education	VINH HUNG PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	27	15	42
762	11032223	CAO HOANG LINH	Fermat education	CONG NGHE GIAO DUC HA NOI PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	27	15	42
763	11032227	HOANG KHANH LINH	Fermat education	TAN THOI DAI PRIMARY AND SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	27	15	42
764	11032265	LE CONG CHI MINH	Fermat education	VINSCHOOL TIMES CITY	Ha Noi	27	15	42
765	11032285	TRUONG DUC BAO MINH	Fermat education	NGUYEN TRAI PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	27	15	42
766	11032287	VU HAI MINH	Fermat education	THACH BAN A PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	27	15	42
767	11032345	VU LAM NGUYEN	Fermat education	NGUYEN TRAI PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	27	15	42
768	11032394	NGUYEN TUE PHUONG	Fermat education	LY THAI TO PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	24	18	42
769	11032412	TRAN HOANG QUAN	Fermat education	GIANG TIEN PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	27	15	42
770	11032475	CO MINH TRIET	Fermat education	VO VAN TAN PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	24	18	42
771	11032622	LE YEN MAI	Fermat education	KIM GIANG SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	27	15	42
772	11032633	TRINH HUY MINH	Fermat education	EVEREST PRIMARY AND SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	24	18	42
773	11032699	NGUYEN ANH TU	Fermat education	MAU LUONG SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	27	15	42
774	11036223	NGUYEN NGOC MINH VY	Fermat education	MERAKI EDUCATION	Ha Noi	27	15	42
775	11036236	DOAN DUC ANH	Fermat education	ALFRED NOBEL SCHOOL	Ha Noi	24	18	42

No	Cand No	Name & Surname	Venue	School	City	Reading	Use	Total
776	11036260	LE QUOC DANG HUY	Fermat education	CHU VAN AN SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	24	18	42
777	11036483	NGUYEN PHUC HOANG LONG	Fermat education	HOA HIEU 1 PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	24	18	42
778	11032109	NGUYEN HOANG THIEN DUNG	Fermat education	CANH DUONG PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	24	18	42
779	11036647	MAI THE THANG	Fermat education	DIEN BIEN SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	21	21	42
780	11036665	LE NGOC PHUC	Fermat education	SO 2 THI TRAN NONG CONG PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	27	15	42
781	11036685	HA PHAM LY LY	Fermat education	DIEN BIEN SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	21	21	42
782	11032472	LE MINH TRI	Fermat education	NGUYEN TRAI PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	21	21	42
783	11045265	NGUYEN BAO ANH	Fermat education	NGUYEN DU SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	21	21	42
784	11032037	NGUYEN MINH ANH	Fermat education	VINH HUNG PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	28	13,5	41,5
785	11032286	VAN VO HOANG MINH	Fermat education	VO VAN TAN PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	25	16,5	41,5
786	11032290	O KIM MY	Fermat education	VO VAN TAN PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	25	16,5	41,5
787	11032651	PHAM KHOI NGUYEN	Fermat education	NEWTON SECONDARY AND HIGH SCHOOL	Ha Noi	25	16,5	41,5
788	11045269	NGUYEN ANH KIET	Fermat education	NGUYEN DU SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	28	13,5	41,5
789	11036532	LEE SONG HA	Fermat education	SINGAPORE INTERNATIONAL SCHOOL	Ha Noi	25	16,5	41,5
790	11031968	NGUYEN TUNG LAM	Fermat education	VINSCHOOL GARDENIA PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	26	15	41
791	11031977	NGUYEN BAO NAM	Fermat education	VINSCHOOL GARDENIA PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	26	15	41
792	11032003	NGUYEN VU MINH TRANG	Fermat education	PHUC DIEN PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	23	18	41
793	11032048	NGUYEN VY ANH	Fermat education	VINSCHOOL IMPERIA PRIMARY SCHOOL - HAI PHONG	Ha Noi	23	18	41
794	11032231	LE TRA LINH	Fermat education	TAM KHUONG PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	26	15	41
795	11032243	BUI HAI LONG	Fermat education	LY THAI TO PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	29	12	41
796	11032454	BACH NGOC TU TRAN	Fermat education	VINSCHOOL IMPERIA PRIMARY SCHOOL - HAI PHONG	Ha Noi	26	15	41
797	11032523	NGUYEN NGOC DUC ANH	Fermat education	KHUONG DINH SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	26	15	41
798	11032705	NGUYEN HOANG TUYEN	Fermat education	GIANG TIEN SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	23	18	41
799	11036155	TRAN MINH KHANG	Fermat education	THANH XUAN NAM SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	29	12	41
800	11036398	HUYNH TAN HUNG	Fermat education	QUEENSLAND PRIMARY AND SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	26	15	41
801	11036457	DANG QUYNH CHI	Fermat education	LE VAN TAM PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	26	15	41
802	11032305	BUI BAO NGAN	Fermat education	DICH VONG A PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	26	15	41
803	11031958	NGUYEN THI NGOC HAN	Fermat education	NGHIA DO PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	24	16,5	40,5
804	11031966	LE TRAN DANG KHOI	Fermat education	VINSCHOOL GARDENIA PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	27	13,5	40,5
805	11031989	NGUYEN HOANG PHU	Fermat education	TRANG AN HIGH QUANLITY PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	24	16,5	40,5
806	11032088	PHAN QUYNH CHI	Fermat education	LY THAI TO PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	27	13,5	40,5

No	Cand No	Name & Surname	Venue	School	City	Reading	Use	Total
807	11032102	PHAM ANH DUC	Fermat education	IRIS PRIMARY, SECONDARY AND HIGH SCHOOL	Ha Noi	24	16,5	40,5
808	11032132	NGUYEN NGUYEN GIAP	Fermat education	VO VAN TAN PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	27	13,5	40,5
809	11032392	NGUYEN MINH PHUONG	Fermat education	PHU THUONG PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	24	16,5	40,5
810	11032479	NGUYEN DINH TUNG	Fermat education	VINSCHOOL TIMESCITY T35	Ha Noi	27	13,5	40,5
811	11032545	LAM QUOC DAT	Fermat education	TRINH HOAI DUC SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	24	16,5	40,5
812	11032655	NGUYEN GIA NHI	Fermat education	LE QUY DON SECONDARY AND HIGH SCHOOL	Ha Noi	27	13,5	40,5
813	11036164	NGUYEN VIET DUONG	Fermat education	THANH XUAN NAM SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	24	16,5	40,5
814	11036463	TRAN ANH VIET	Fermat education	LE VAN TAM PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	24	16,5	40,5
815	11036534	VU MINH DUC	Fermat education	SINGAPORE INTERNATIONAL SCHOOL	Ha Noi	27	13,5	40,5
816	11031930	HOANG DIEU LINH	Fermat education	BAI CHAY PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	25	15	40
817	11031954	THAI BAO CHAU	Fermat education	CONG NGHE GIAO DUC HA NOI PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	25	15	40
818	11032015	NGUYEN HOANG BAO AN	Fermat education	VINH HUNG PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	28	12	40
819	11032051	TANG HA ANH	Fermat education	PHU THUONG PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	25	15	40
820	11032070	DO BAO CHAU	Fermat education	TRAN QUOC TOAN PRIMARY AND SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	22	18	40
821	11032080	TA MY KIM CHAU	Fermat education	VO VAN TAN PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	28	12	40
822	11032105	TRAN MINH DUC	Fermat education	AI MO A PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	25	15	40
823	11032228	HOANG NGOC LINH	Fermat education	LY THAI TO PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	28	12	40
824	11032256	TRUONG THI SAO MAI	Fermat education	TAM KHUONG PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	28	12	40
825	11032299	TRAN BAO NAM	Fermat education	CONG NGHE GIAO DUC HA NOI PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	25	15	40
826	11032346	VU THAO NGUYEN	Fermat education	LY THAI TO PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	25	15	40
827	11032446	HUYNH NGO UYEN THY	Fermat education	LE VAN TAM PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	28	12	40
828	11032487	NGO HAI VAN	Fermat education	TAN DINH PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	25	15	40
829	11032668	DUONG THI MINH PHUONG	Fermat education	KHUONG DINH SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	28	12	40
830	11032685	NGUYEN NGAN THAO	Fermat education	NGUYEN CONG TRU SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	25	15	40
831	11036118	MAI QUYNH TRANG	Fermat education	PHAN NGOC HIEN SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	28	12	40
832	11032647	LE NGUYEN	Fermat education	CANH DUONG SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	28	12	40
833	11032072	DUONG MINH CHAU	Fermat education	LY THAI TO PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	23	16,5	39,5
834	11032230	HOANG TRINH PHUONG LINH	Fermat education	THOI HOA PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	29	10,5	39,5
835	11032271	NGUYEN CONG MINH	Fermat education	TRANG AN HIGH QUANLITY PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	26	13,5	39,5
836	11032438	DAO NGOC ANH THU	Fermat education	NGHIA DO PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	23	16,5	39,5
837	11032635	LE HAI NAM	Fermat education	TRINH HOAI DUC SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	26	13,5	39,5

No	Cand No	Name & Surname	Venue	School	City	Reading	Use	Total
838	11036486	BUI NGOC THUY	Fermat education	HOA HIEU 1 PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	23	16,5	39,5
839	11036730	DAM THI BAO DUNG	Fermat education	NGHI PHU 2 PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	26	13,5	39,5
840	11032363	TRAN NGUYEN SONG NHI	Fermat education	CANH DUONG PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	26	13,5	39,5
841	11036455	DANG QUOC CUONG	Fermat education	LE VAN TAM PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	26	13,5	39,5
842	11048975	NGUYEN TRIEU BAO HAN	Fermat education	VAN CHUONG PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	29	10,5	39,5
843	11031994	NGUYEN DUY THAI	Fermat education	ALFRED NOBEL SCHOOL	Ha Noi	27	12	39
844	11032052	TRAN HAI ANH	Fermat education	HONG HA PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	24	15	39
845	11032218	NGUYEN VU TUNG LAM	Fermat education	VINSCHOOL PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	24	15	39
846	11032323	DINH NGUYEN BAO NGOC	Fermat education	NGUYEN TRAI PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	24	15	39
847	11032339	PHAM HOANG THAO NGUYEN	Fermat education	CHU VAN AN PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	27	12	39
848	11032397	DANG HOANG QUAN	Fermat education	LE VAN TAM PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	24	15	39
849	11032580	LE DUY HUNG	Fermat education	LE QUY DON SECONDARY AND HIGH SCHOOL	Ha Noi	24	15	39
850	11036669	LE BANG BANG	Fermat education	PHUONG HOANG HIGH QUALITY HIGH SCHOOL	Ha Noi	27	12	39
851	11032543	NGUYEN DIEU LINH DAN	Fermat education	NGUYEN CONG TRU SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	24	15	39
852	11031905	NGUYEN DUC ANH	Fermat education	NEWTON 5 PRIMARY AND SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	25	13,5	38,5
853	11031910	NGUYEN NGOC BAO KHANH	Fermat education	VINSCHOOL GREEN BAY	Ha Noi	25	13,5	38,5
854	11032023	VU TUNG AN	Fermat education	VINSCHOOL TIMESCITY T35	Ha Noi	19	19,5	38,5
855	11032356	NGHIEM NGUYEN BAO NHI	Fermat education	TRUNG VUONG PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	25	13,5	38,5
856	11032401	LE ANH QUAN	Fermat education	HONG HA PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	25	13,5	38,5
857	11032524	NGUYEN NGOC QUYNH ANH	Fermat education	PHU THI SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	25	13,5	38,5
858	11032666	DO CONG PHUC	Fermat education	TAM HIEP SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	22	16,5	38,5
859	11036255	HO NHAT QUY	Fermat education	CHU VAN AN SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	25	13,5	38,5
860	11036462	LE NGOC ANH	Fermat education	LE VAN TAM PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	25	13,5	38,5
861	11036637	TRUONG QUANG VINH	Fermat education	NGUYEN VAN TROI PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	22	16,5	38,5
862	11036687	NGUYEN HA MY	Fermat education	CHU VAN AN SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	25	13,5	38,5
863	11039517	PHAM TUAN MINH	Fermat education	VAN CHUONG PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	25	13,5	38,5
864	11031908	DANG LINH DAN	Fermat education	ERA SCHOOL - ME LINH	Ha Noi	23	15	38
865	11031925	TO MINH DUC	Fermat education	TAN THOI DAI PRIMARY AND SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	23	15	38
866	11032112	TRAN TRUNG DUNG	Fermat education	NGHIA DO PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	20	18	38
867	11032130	VU LINH GIANG	Fermat education	AN HOA PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	29	9	38
868	11032160	DUONG THAI HOA	Fermat education	VO VAN TAN PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	23	15	38

No	Cand No	Name & Surname	Venue	School	City	Reading	Use	Total
869	11032161	HAN DUY NHAT HOANG	Fermat education	VINSCHOOL TIMES CITY	Ha Noi	23	15	38
870	11032193	VU NAM KHANH	Fermat education	TAN THOI DAI PRIMARY AND SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	23	15	38
871	11032217	NGUYEN TUNG LAM	Fermat education	TRANG AN HIGH QUANLITY PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	23	15	38
872	11032336	DUONG TRAN THAO NGUYEN	Fermat education	THANH NGUYEN PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	26	12	38
873	11032389	LE TRAN MAI PHUONG	Fermat education	VINSCHOOL TIMESCITY T35	Ha Noi	26	12	38
874	11032570	BIEN NGUYEN BAO HAN	Fermat education	TRINH HOAI DUC SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	26	12	38
875	11032618	MAI GIA LOC	Fermat education	NGUYEN CONG TRU SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	20	18	38
876	11039521	TRAN BA MINH DUC	Fermat education	VAN CHUONG PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	26	12	38
877	11036444	NGUYEN HOANG ANH	Fermat education	LE VAN TAM PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	26	12	38
878	11036537	PHAM BAO TRANG	Fermat education	SINGAPORE INTERNATIONAL SCHOOL	Ha Noi	23	15	38
879	11032643	HOANG LE YEN NGOC	Fermat education	NGUYEN TRUONG TO SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	23	15	38
880	11032018	NGUYEN NGOC HANH AN	Fermat education	IRIS PRIMARY, SECONDARY AND HIGH SCHOOL	Ha Noi	27	10,5	37,5
881	11032036	NGUYEN HOANG QUYNH ANH	Fermat education	NGUYEN TRAI PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	21	16,5	37,5
882	11032097	NGUYEN MINH DAT	Fermat education	VINSCHOOL THE HARMONY PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	24	13,5	37,5
883	11032255	NGUYEN PHUONG MAI	Fermat education	HONG HA PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	24	13,5	37,5
884	11032532	LE DOAN BACH	Fermat education	LE QUY DON SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	24	13,5	37,5
885	11032621	HOANG NGUYEN NGOC MAI	Fermat education	DONG HAI SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	27	10,5	37,5
886	11032681	NGHIEM VU THANH	Fermat education	YEN SO SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	24	13,5	37,5
887	11032497	GIANG THANH VUONG	Fermat education	NGUYEN TRAI PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	24	13,5	37,5
888	11032312	NGUYEN PHUONG NGAN	Fermat education	HUYNH NGOC HUE PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	25	12	37
889	11032416	VO VIET QUAN	Fermat education	VINSCHOOL TIMESCITY T35	Ha Noi	25	12	37
890	11032508	NGUYEN NGOC BAO AN	Fermat education	GIANG TIEN SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	25	12	37
891	11032561	NGUYEN DINH NGOC HA	Fermat education	VIET HUNG SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	22	15	37
892	11032294	DUONG BAO NAM	Fermat education	VINSCHOOL IMPERIA PRIMARY SCHOOL - HAI PHONG	Ha Noi	19	18	37
893	11032120	TRAN THUY DUONG	Fermat education	LY THAI TO PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	25	12	37
894	11031911	MA NHA LINH	Fermat education	LY THAI TO PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	23	13,5	36,5
895	11031986	HUYNH HOANG PHONG	Fermat education	VO VAN TAN PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	20	16,5	36,5
896	11031993	LE QUOC THAI	Fermat education	TAN THOI DAI PRIMARY AND SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	23	13,5	36,5
897	11032391	NGUYEN HA PHUONG	Fermat education	PHU THUONG PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	23	13,5	36,5
898	11032406	NGUYEN ANH QUAN	Fermat education	LY THAI TO PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	23	13,5	36,5
899	11032492	VU NGUYEN VIET	Fermat education	LY THAI TO PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	23	13,5	36,5

No	Cand No	Name & Surname	Venue	School	City	Reading	Use	Total
900	11032510	NGYEN HOANG LINH AN	Fermat education	PHU THI SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	20	16,5	36,5
901	11032583	NGUYEN TAN HUNG	Fermat education	ERA SCHOOL - ME LINH	Ha Noi	26	10,5	36,5
902	11032584	PHAM GIA HUNG	Fermat education	ERA SCHOOL - ME LINH	Ha Noi	23	13,5	36,5
903	11032680	NGUYEN HONG THAI	Fermat education	KHUONG DINH SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	23	13,5	36,5
904	11036329	HUYNH DUC MINH	Fermat education	CHU VAN AN SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	23	13,5	36,5
905	11039515	VU TRAN HUONG LAM	Fermat education	VAN CHUONG PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	23	13,5	36,5
906	11032275	NGUYEN NHAT MINH	Fermat education	HAI LINH PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	20	16,5	36,5
907	11031992	NGUYEN ANH QUAN	Fermat education	TAN THOI DAI PRIMARY AND SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	24	12	36
908	11032374	NGUYEN NAM PHONG	Fermat education	VINH HUNG PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	21	15	36
909	11032480	PHAM BA TUNG	Fermat education	IRIS PRIMARY, SECONDARY AND HIGH SCHOOL	Ha Noi	21	15	36
910	11032673	NGUYEN MINH QUAN	Fermat education	LE QUY DON SECONDARY AND HIGH SCHOOL	Ha Noi	21	15	36
911	11032314	PHAM NGOC KIM NGAN	Fermat education	CANH DUONG PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	24	12	36
912	11031903	NGUYEN NHAT NAM	Fermat education	NGUYEN TRAI PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	25	10,5	35,5
913	11032049	PHAM THI PHUONG ANH	Fermat education	VINH HUNG PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	25	10,5	35,5
914	11032057	HOANG VINH BAC	Fermat education	GIANG TIEN PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	22	13,5	35,5
915	11032349	LE DAC NHAN	Fermat education	TAN THOI DAI PRIMARY AND SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	22	13,5	35,5
916	11032418	DONG ANH QUANG	Fermat education	VINSCHOOL GARDENIA PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	25	10,5	35,5
917	11032481	PHAM QUANG TUNG	Fermat education	LY THAI TO PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	22	13,5	35,5
918	11032560	LE NGUYEN NGOC HA	Fermat education	NGUYEN CONG TRU SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	22	13,5	35,5
919	11032656	PHAM TUE NHI	Fermat education	VIET HUNG SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	25	10,5	35,5
920	11032065	NGUYEN HUU QUOC BAO	Fermat education	PHU THUONG PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	20	15	35
921	11032369	NGUYEN TIEN PHAT	Fermat education	TRUNG THANH 3 PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	23	12	35
922	11036148	DAO QUANG THANG	Fermat education	THANH XUAN NAM SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	23	12	35
923	11048974	PHAM NGUYEN DUC TRI	Fermat education	VAN CHUONG PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	23	12	35
924	11036638	TRUONG QUANG HUY	Fermat education	NGUYEN VAN TROI PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	23	12	35
925	11032063	CHU TA GIA BAO	Fermat education	VINSCHOOL THE HARMONY PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	24	10,5	34,5
926	11032628	NGUYEN HOANG MINH	Fermat education	LY NAM DE SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	21	13,5	34,5
927	11036134	TRINH TRUNG QUAN	Fermat education	HELIOS LANGUAGE CENTRE	Ha Noi	21	13,5	34,5
928	11032348	HA DO TRONG NHAN	Fermat education	LAC AN PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	22	12	34
929	11032546	NGUYEN THANH DAT	Fermat education	KHUONG DINH SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	22	12	34
930	11032493	NGUYEN NGUYEN VU	Fermat education	NGUYEN TRAI PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	16	18	34

No	Cand No	Name & Surname	Venue	School	City	Reading	Use	Total
931	11032127	NGUYEN NGAN GIANG	Fermat education	NGUYEN TRAI PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	17	16,5	33,5
932	11032304	HUYNH LUONG THIEN NGA	Fermat education	LE VAN TAM PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	26	7,5	33,5
933	11032410	NGUYEN MINH QUAN	Fermat education	IRIS PRIMARY, SECONDARY AND HIGH SCHOOL	Ha Noi	26	7,5	33,5
934	11032423	TRAN DUONG NHAT QUANG	Fermat education	IRIS PRIMARY, SECONDARY AND HIGH SCHOOL	Ha Noi	17	16,5	33,5
935	11032578	BUI QUANG HUNG	Fermat education	ERA SCHOOL - ME LINH	Ha Noi	20	13,5	33,5
936	11032702	NGUYEN DANG TUNG	Fermat education	PHU MINH SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	20	13,5	33,5
937	11036124	DINH DUY KHANH	Fermat education	HELIOS LANGUAGE CENTRE	Ha Noi	23	10,5	33,5
938	11036680	NGUYEN LE GIA LOC	Fermat education	LE VAN TAM PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	20	13,5	33,5
939	11031978	NGUYEN TRAN HAI NAM	Fermat education	TRANG AN HIGH QUANLITY PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	21	12	33
940	11032308	HO MY NGAN	Fermat education	LE VAN TAM PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	18	15	33
941	11046589	DANG VAN AN AN	Fermat education	VAN CHUONG PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	21	12	33
942	11036535	TRAN GIA HUNG	Fermat education	SINGAPORE INTERNATIONAL SCHOOL	Ha Noi	21	12	33
943	11032353	BUI THAO NHI	Fermat education	THANH XUAN NAM PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	22	10,5	32,5
944	11036485	NGUYEN KHANH AN	Fermat education	HOA HIEU 1 PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	22	10,5	32,5
945	11045323	CHU HAI LONG	Fermat education	VAN TIEN DUNG PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	19	13,5	32,5
946	11036122	NGUYEN DUC ANH	Fermat education	HELIOS LANGUAGE CENTRE	Ha Noi	16	16,5	32,5
947	11032399	DINH TRAN HOANG QUAN	Fermat education	WESTERN HANOI SCHOOL	Ha Noi	22	10,5	32,5
948	11032437	NGO QUANG THE	Fermat education	HUONG DINH PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	22	10,5	32,5
949	11032269	MAI BINH MINH	Fermat education	NAM THANH CONG PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	20	12	32
950	11032291	VO LE VIET MY	Fermat education	HUYNH NGOC HUE PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	20	12	32
951	11036395	PHAM SY NAM ANH	Fermat education	QUEENSLAND PRIMARY AND SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	23	9	32
952	11032126	LE HUONG GIANG	Fermat education	KHUONG THUONG PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	21	10,5	31,5
953	11032207	LE XUAN KIEN	Fermat education	VINH HUNG PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	21	10,5	31,5
954	11032251	TRAN BAO LONG	Fermat education	GIANG TIEN PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	21	10,5	31,5
955	11036244	TRAN MINH NGOC KHANH	Fermat education	QUANG TRUNG PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	24	7,5	31,5
956	11039516	NGUYEN THAI HA NHI	Fermat education	VAN CHUONG PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	24	7,5	31,5
957	11036531	TRAN QUANG MINH	Fermat education	SINGAPORE INTERNATIONAL SCHOOL	Ha Noi	21	10,5	31,5
958	11032034	NGUYEN HOANG ANH	Fermat education	PHU THUONG PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	19	12	31
959	11032124	CAO HUONG GIANG	Fermat education	DICH VONG B PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	22	9	31
960	11032167	TRAN NGOC HUNG	Fermat education	SAO ANH DUONG MAPLE BEAR CANADA TAY HO PRIMA	Ha Noi	19	12	31
961	11032534	DAO HUY THIEN BAO	Fermat education	KHUONG DINH SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	19	12	31

No	Cand No	Name & Surname	Venue	School	City	Reading	Use	Total
962	11048973	NGUYEN ANH MINH	Fermat education	VAN CHUONG PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	19	12	31
963	11036644	TRAN KIM ANH	Fermat education	NGUYEN VAN TROI PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	19	12	31
964	11032576	TRAN GIA HOANG	Fermat education	KIM DONG SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	17	13,5	30,5
965	11036473	VUONG DINH PHONG	Fermat education	HOA HIEU 1 PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	23	7,5	30,5
966	11031990	HOANG PHUC	Fermat education	VIET ANH PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	18	12	30
967	11032021	PHAN BAO AN	Fermat education	GIAP BAT PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	27	3	30
968	11032627	NGUYEN GIA MINH	Fermat education	NGUYEN CONG TRU SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	19	10,5	29,5
969	11032708	LE QUOC VIET	Fermat education	NGUYEN CONG TRU SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	19	10,5	29,5
970	11031980	PHAM KIM NGAN	Fermat education	TRANG AN HIGH QUANLITY PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	20	9	29
971	11032142	NGUYEN DUC HAI	Fermat education	NEWTON 5 PRIMARY AND SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	17	12	29
972	11032211	BUI PHUONG LAM	Fermat education	IRIS PRIMARY, SECONDARY AND HIGH SCHOOL	Ha Noi	20	9	29
973	11032219	PHAM TUNG LAM	Fermat education	KHUONG THUONG PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	20	9	29
974	11031919	PHAM SON TUNG	Fermat education	NEWTON 5 PRIMARY AND SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	18	10,5	28,5
975	11031921	NGUYEN DUY GIA BAO	Fermat education	LY THAI TO PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	18	10,5	28,5
976	11032376	NGUYEN TRONG PHONG	Fermat education	THACH BAN A PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	18	10,5	28,5
977	11032429	BUI BAO SON	Fermat education	GIANG TIEN PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	18	9	27
978	11032688	NGUYEN THI THANH TRA	Fermat education	NGUYEN CONG TRU SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	19	7,5	26,5
979	11032447	NGUYEN NGOC BAO THY	Fermat education	LE VAN TAM PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	16	10,5	26,5
980	11032197	NGUYEN DUY KHOA	Fermat education	NGUYEN THI MINH KHAI PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	10	16,5	26,5
981	11032488	NGUYEN NGOC HAI VAN	Fermat education	DARWIN PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	17	9	26
982	11032266	LE NGOC MINH	Fermat education	LY THAI TO PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	15	10,5	25,5
983	11032368	NGUYEN THANH PHAT	Fermat education	LAC AN PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	19	6	25
984	11036344	HOANG BAO TRAM	Fermat education	THI TRAN SO 2 PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	15	9	24
985	11036476	CHU THAI HA AN	Fermat education	HOA HIEU 1 PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	13	10,5	23,5
986	11036142	NGUYEN TRI TRUNG	Fermat education	HELIOS LANGUAGE CENTRE	Ha Noi	17	6	23
987	11031918	NGUYEN DUC TRUONG	Fermat education	NEWTON 5 PRIMARY AND SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	12	10,5	22,5
988	11032443	LE NGOC THUY	Fermat education	TRUNG TRAC PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	11	10,5	21,5
989	11039518	PHAM THANH THU	Fermat education	VAN CHUONG PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	10	10,5	20,5
990	11032014	NGUYEN HAI AN	Fermat education	VINSCHOOL TIMESCITY T35	Ha Noi	12	7,5	19,5
991	11032250	PHAN THANH LONG	Fermat education	KIM DONG PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	15	4,5	19,5
992	11036481	VO BAO TRANG	Fermat education	HOA HIEU 1 PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	12	7,5	19,5

No	Cand No	Name & Surname	Venue	School	City	Reading	Use	Total
993	11032712	VU KHANH VY	Fermat education	LE QUY DON SECONDARY AND HIGH SCHOOL	Ha Noi	11	7,5	18,5
994	11031909	NGUYEN KIM HOANG	Fermat education	NEWTON 5 PRIMARY AND SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	10	6	16
995	11031938	VU HUU TRI	Fermat education	KIM LIEN PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	0	0	ABSENT
996	11031946	DO NGUYEN MAI ANH	Fermat education	PHENIKAA PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	0	0	ABSENT
997	11032047	NGUYEN TUYET ANH	Fermat education	NGUYEN THI MINH KHAI PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	0	0	ABSENT
998	11032095	NGUYEN LINH DAN	Fermat education	NGHIA DO PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	0	0	ABSENT
999	11032107	LE THI HANH DUNG	Fermat education	CHUC SON A PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	0	0	ABSENT
1000	11032141	DO VIET NGOC HAI	Fermat education	HANOI STAR PRIMARY AND SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	0	0	ABSENT
1001	11032187	NGUYEN GIA KHANH	Fermat education	NGUYEN TRAI PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	0	0	ABSENT
1002	11032212	DUONG QUANG LAM	Fermat education	NGUYEN THI MINH KHAI PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	0	0	ABSENT
1003	11032221	VU KHANH LAM	Fermat education	NGUYEN TRAI PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	0	0	ABSENT
1004	11032224	DANG NGUYEN PHUONG LINH	Fermat education	VINSCHOOL SMART CITY	Ha Noi	0	0	ABSENT
1005	11032277	NGUYEN QUANG MINH	Fermat education	NGUYEN TRAI PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	0	0	ABSENT
1006	11032460	NGUYEN NGOC BAO TRAN	Fermat education	LE HONG PHONG PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	0	0	ABSENT
1007	11032568	NGUYEN TUAN HAI	Fermat education	LE QUY DON SECONDARY AND HIGH SCHOOL	Ha Noi	0	0	ABSENT
1008	11032579	DAM HUNG	Fermat education	KIM DONG SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	0	0	ABSENT
1009	11032606	NGUYEN THANH KIET	Fermat education	TRUNG VUONG SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	0	0	ABSENT
1010	11032644	NGUYEN TRAN BAO NGOC	Fermat education	TRUNG VUONG SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	0	0	ABSENT
1011	11032675	LE NGOC QUANG	Fermat education	LE QUY DON SECONDARY AND HIGH SCHOOL	Ha Noi	0	0	ABSENT
1012	11032696	DANG DIEP THANH TRUC	Fermat education	NGUYEN CONG TRU SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	0	0	ABSENT
1013	11036137	NGO THU PHUONG	Fermat education	HELIOS LANGUAGE CENTRE	Ha Noi	0	0	ABSENT
1014	11036243	TRAN TUAN MINH	Fermat education	QUANG TRUNG PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	0	0	ABSENT
1015	11036248	THAI ANH KIET	Fermat education	VY DA PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	0	0	ABSENT
1016	11036328	LE TUAN KHANG	Fermat education	PHU BAI SECONDARY SCHOOL	Ha Noi	0	0	ABSENT
1017	11036478	NGUYEN SINH PHUC	Fermat education	HOA HIEU 1 PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	0	0	ABSENT
1018	11039534	NGUYEN THANH TAM	Fermat education	LE VAN TAM PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	0	0	ABSENT
1019	11047951	NGUYEN TRUC LINH	Fermat education	LY THAI TO PRIMARY SCHOOL	Ha Noi	0	0	ABSENT